**TUẦN 4**

**Thứ hai, ngày 30 tháng 9 năm 2023**

Tiết 1: HOẠT ĐỘNG TRẢI NGHIỆM

**SINH HOẠT DƯỚI CỜ: TRIỂN LÃM TUYÊN TRUYỀN DỰ ÁN HÀNH LANG XANH**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT**

**1. Năng lực**

* Tích cực tham gia hoạt động giáo dục theo chủ đề của Đội Thiếu niên Tiền phong Hồ Chí Minh và của nhà trường.
* Trang trí hành lang lớp học.
* Xây dựng góc Nghệ thuật thiên nhiên.

**2. Phẩm chất:**

- Yêu cảnh đẹp thiên nhiên.

- Có trách nhiệm chăm sóc bồn hoa cây cảnh

- Chăm chỉ vệ sinh trường lớp.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC**

* SGK, VBT Hoạt động trải nghiệm 4.

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV** | **HOẠT ĐỘNG CỦA HS** |
| **1. Cách tiến hành**  - GV Tổng phụ trách Đội giới thiệu nội dung triển lãm tranh tuyên truyền dự án Hành lang xanh, nhấn mạnh ý nghĩa của dự án đối với việc giữ gìn trường xanh, sạch, đẹp.    - GV hướng dẫn HS trưng bày các bức tranh tuyên truyền dự án Hành lang xanh.  - GV tổ chức cho HS đi tham quan các bức tranh đã được trưng bày trong triển lãm.  + GV có thể dẫn HS đi lẫn lượt từng khu vực để xem tranh.  + GV có thể đặt câu hỏi cho HS về các bức tranh:   * Nội dung thể hiện qua bức tranh là gì? * Em thấy ấn tượng và thích bức tranh nào nhất? * Tại sao em lại thích bức tranh đó? * Bức tranh muốn truyền tải thông điệp gì tới em?   - GV mời 1 – 2 HS trình bày cảm nhận về các bức tranh và thông điệp được truyền tải qua các bức tranh.  - GV mời một số học sinh chia sẻ cảm nghĩ sau buổi triển lãm. | - HS lắng nghe lời giới thiệu của GV.  - HS trưng bày các bài vẽ của mình theo khu vực được phân công.  - HS tham quan các bức tranh có trong triển lãm.  - HS chia sẻ cảm nhận về các bức tranh và thông điệp của tranh.  - HS chia sẻ cảm nghĩ về buổi triển lãm.  - HS chia sẻ cảm nhận và những điều rút ra từ triển lãm. |

**IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY:**

**------------------------------------------------**

Tiết 2,4: TIẾNG VIỆT

**BÀI ĐỌC 3: CÔ GIÁO NHỎ (2 tiết)**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:**

**1. Phát triển năng lực ngôn ngữ:**

- Đọc thành tiếng trôi chảy toàn bài. Phát âm đúng các từ ngữ HS dễ viết sai. Ngắt nghỉ hơi đúng ngữ pháp- ngữ nghĩa. Tốc độ đọc khoảng 75- 80 tiếng/phút. Thể hiện được giọng đọc xúc động phù hợp với các ý nghĩa nhân văn sâu sắc của câu chuyện. Đọc thầm nhanh hơn lớp 3.

- Hiểu nghĩa của các từ ngữ trong bài. Trả lời được các CH về nội dung của các đoạn và toàn bài. Hiểu được đặc điểm của nhân vật Giên; tuy còn nhỏ nhưng đã biết vận dụng những điều học được vào cuộc sống để giúp đỡ được người thân và bạn bè.

**2. Phát triển năng lực văn học:**

- Cảm nhận được những đặc điểm đáng yêu của nhân vật Giên

- Bày tỏ được cảm xúc đối với nội dung, ý nghĩa câu chuyện.

**3.Phẩm chất:**

- Phát triển NL giao tiếp và hợp tác (biết cùng các bạn có thảo luận nhóm); NL tự chủ và tự học (trả lời đúng các CH đọc hiểu). Bồi dưỡng phẩm chất chăm chỉ (biết vận dụng những điều đã học vào cuộc sống để giúp đỡ người thân và bạn bè); PC nhân ái (mong muốn bà, mẹ, và các bạn cũng biết chữ như mình)

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC:**

– GV chuẩn bị: Tranh minh hoạ bài đọc trong SGK.

– HS chuẩn bị: SGK Tiếng Việt 4, tập một, Vở bài tập Tiếng Việt 4, tập một.

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY VÀ HỌC:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GIÁO VIÊN** | **HOẠT ĐỘNG CỦA HỌC SINH** |
| **1.Khởi động:**  - GV cho HS ôn lại Bài đọc 2: Lên rẫy  + Cảnh vật thiên nhiên trên đường đi đẹp như thế nào?  + Tìm những từ thể hiện cảm xúc của bạn nhỏ khi được giúp mế làm rẫy?  + Em có cảm nghĩ gì về bạn nhỏ trong bài thơ?  - GV nhận xét giọng đọc và câu trả lời của học sinh.  **2. HT kiến thức:**  **Hoạt động 1: Đọc thành tiếng:**  **Cách tiến hành:**  - GV đọc mẫu cho HS bài Cô giáo nhỏ  - GV cùng HS giải nghĩa một số từ ngữ khó:  + Miễn phí: cho phép hưởng một dịch vụ mà không phải trả tiền.  + Hẻo lánh: (nơi) xa, ít người qua lại.  + Ngóng cổ: trông chờ, mong đợi một điều gì đó  + Cha sinh mẹ đẻ: lúc mới sinh (thường dùng để nhấn mạnh điều từ trước tới nay chưa từng thấy, chưa từng có)  - Bài đọc có thể chia làm mấy đoạn?  - GV tổ chức và hướng dẫn cho HS luyện đọc: Đọc nối tiếp đoạn.  + GV gọi 6 HS bất kì đọc bài, từng em đứng lên đọc tiếp nối đến hết bài.  + GV sửa lỗi phát âm, uốn nắn tư thế đọc cho HS.  🡪GDHS: đọc đúng từ ngữ, ngắt nghỉ hơi phù hợp.  - GV tổ chức HS đọc nối tiếp 6 đoạn.  - GV mời đại diện nhóm đọc (ít nhất là 2 nhóm), sau đó cho các HS khác nhận xét.  - GV nhấn mạnh vào những từ ngữ khó đọc: miễn phí, hẻo lánh, ngóng cổ, cha sinh mẹ đẻ,…)  **Hoạt động 2: Đọc hiểu:**  **a. Mục tiêu:**Thông qua hoạt động, HS:  - Thảo luận nhóm 5 theo các câu hỏi tìm hiểu bài.  - Hiểu được nội dung của bài đọc Cô giáo nhỏ  **b. Cách tiến hành:**  - GV mời 5 HS tiếp nối nhau đọc to, rõ ràng 5 câu hỏi:  + [Trường học của Giên ở đâu? Ngôi trường này có gì đặc biệt?](https://toploigiai.vn/doc-ba-nang-cong-chua-tieng-viet-4-canh-dieu-tap-1#1)  [+ Cô giáo đã chứng kiến việc gì lúc đến nhà Giên?](https://toploigiai.vn/doc-ba-nang-cong-chua-tieng-viet-4-canh-dieu-tap-1#2)  [+ Theo em, vì sao Giên không trả được sách đúng hạn?](https://toploigiai.vn/doc-ba-nang-cong-chua-tieng-viet-4-canh-dieu-tap-1#3)  [+ Vì sao cô giáo nghẹn ngào nói: “Ồ không, Giên!Cô phải xin lỗi em mới đúng.” Khi Giên xin lỗi cô?](https://toploigiai.vn/doc-ba-nang-cong-chua-tieng-viet-4-canh-dieu-tap-1#4)  [+ Việc làm của Giên đáng khen như thế nào?](https://toploigiai.vn/doc-ba-nang-cong-chua-tieng-viet-4-canh-dieu-tap-1#4)  - GV giao nhiệm vụ cho HS đọc thầm bài đọc, thảo luận nhóm 5 theo các câu hỏi tìm hiểu bài. HS trả lời câu hỏi trong bài.  **Câu 1**: Trường học của Giên ở đâu? Ngôi trường này có gì đặc biệt?    **Câu 2:** Cô giáo đã chứng kiến việc gì lúc đến nhà Giên?  **Câu 3:** Theo em, vì sao Giên không trả được sách đúng hạn?  **Câu 4:**Vì sao cô giáo nghẹn ngào nói: “Ồ không, Giên!Cô phải xin lỗi em mới đúng.” Khi Giên xin lỗi cô?   Câu 5: Việc làm của Giên đáng khen như thế nào?  - GV yêu cầu HS trả lời câu hỏi: Qua bài đọc, em hiểu nội dung bài nói về điều gì?  + GV mời 2 - 3 HS trả lời. HS khác nhận xét, nêu ý kiến (nếu có).  🡪GDHS: Mạnh dạn thể hiện năng khiếu của bản thân.  - GV nhận xét, đánh giá, khen ngợi và động viên HS các nhóm.  **3.Luyện tập, thực hành:**  **Hoạt động: Đọc diễn cảm đoạn 3.**  - GV hướng dẫn HS đọc diễn cảm đoạn 3 với giọng đọc nhẹ nhàng, thể hiện cảm xúc trầm lắng, xúc động khi cô giáo biết việc làm tốt của Giên.  - Tổ chức cho HS thi đọc diễn cảm.  - GV nhận xét HS đọc bài, tuyên dương, khích lệ HS.  **4.vận dụng, sáng tạo:**  **Hoạt động: Thảo luận nhóm đôi**  - GV nêu câu hỏi thảo luận: Em học tập được điều gì ở Giên?  - GV mời đại diện 1 - 2 HS trình bày suy nghĩ của mình trước lớp.  - GV nhận xét, khích lệ những suy nghĩ tích cực của HS.  🡪GDHS: Có ý thức trong học tập, để đạt được những thành tích mong muốn.  - GV nhận xét tiết học, khen ngợi, biểu dương những HS tốt.  - Xem và chuẩn bị bài: nói và nghe: trao đổi chăm học, chăm làm | - HS đọc bài và trả lời câu hỏi.    - HS đọc bài và trả lời câu hỏi.  + Nhận xét câu trả lời của bạn.     - HS lắng nghe.  - HS lắng nghe.    - HS lắng nghe GV đọc mẫu, đọc thầm theo.  - HS cùng GV giải nghĩa từ khó.      - HS trả lời: chia làm 6 đoạn  + Đoạn 1: Từ đầu đến “với nhà trường ạ”  + Đoạn 2: Tiếp đến “được đi học”  + Đoạn 3: Tiếp đến “ê a đánh vần”  + Đoạn 4: Tiếp đến “học trò”  + Đoạn 5: Tiếp đến “lấm lem nhọ nồi”  + Đoạn 6: Còn lại.  - HS luyện đọc theo hướng dẫn.    - HS đọc nối tiếp bài đọc trước lớp.        - HS đọc bài theo nhóm.  - HS đại diện nhóm đọc bài trước lớp, các HS khác lắng nghe và nhận xét.  - HS phân biệt các âm, vần, thanh dễ lẫn, sửa phát âm sai (nếu có).            - HS đọc tiếp nối câu hỏi; các HS khác lắng nghe, đọc thầm theo.  - HS thảo luận theo nhóm 5.  + HS đại diện nhóm trả lời các câu hỏi, nhóm khác nhận xét, bổ sung.  - Trường học của Giên ở một vùng quê hẻo lánh ở Châu Phi. Gọi là trường nhưng thực chất lớp dạy học miễn phí. HS là con cháu của những người nông dân suốt ngày cặm cụi trên những cánh đồng ngô cháy nắng.  - Cô giáo đã chứng kiến cảnh Giên đang làm “cô giáo”, hướng dẫn bà, mẹ và các bạn nhỏ trong xóm đánh vần. Cuốn sách Giên dùng để dạy chữ ở lớp học của mình chính là cuốn truyện tranh mượn của cô giáo.  - Giên đang phải dùng sách để dạy bà, mẹ và các bạn đọc.  - Vì cô đã hiểu lầm Giên. Cô không biết là Giên trả sách chậm vì phải dùng quyển sách để làm một việc rất đáng khen: dạy bà, mẹ và các bạn đọc.  - Giên đã biết đem những điều học được vận dụng vận dụng vào cuộc sống. Việc làm của Giên còn thể hiện tình yêu thương của mình đối với người thân và bạn bè.  - HS trả lời:  - HS lắng nghe.    - HS lắng nghe.      - HS lắng nghe.      - HS thi đọc.  - HS lắng nghe.      - HS thảo luận nhóm đôi và trả lời câu hỏi theo suy nghĩ của mình.  - HS trình bày suy nghĩ của mình trước lớp.  - HS lắng nghe, tiếp thu.  - HS lắng nghe.  - HS lắng nghe, tiếp thu.  - HS lắng nghe, thực hiện. |

**IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY:**

**------------------------------------------------**

## Buổi chiều:

## Tiết 2: TOÁN

**LÀM TRÒN SỐ ĐẾN HÀNG TRĂM NGHÌN**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT**

**1. Kiến thức, kĩ năng:**

- Cách làm tròn số đến hàng trăm nghìn

- Vận dụng được cách làm tròn số trong một số trường hợp đơn giản.

**2. Năng lực**

- Năng lực tư duy và lập luận toán học: Nêu lập luận được cách làm tròn số đến hàng trăm nghìn.

- Năng lực giải quyết vấn đề toán học: Thực hiện làm tròn được các số đến hàng trăm nghìn.

- Năng lực giao tiếp toán học: Nêu và trả lời được câu hỏi cách làm tròn số đến hàng trăm nghìn.

**3. Phẩm chất:**

Hình thành sự chăm chỉ, ý thức trách nhiệm đối với bản thân và tập thể. Biết giúp đỡ bạn khi bạn gặp khó khăn trong quá trình luyện tập thực hành làm tròn số.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC**

- Giáo viên: Tranh khởi động, hình vẽ các tia số.

- Học sinh: SHS, vbt, bộ đồ dùng học toán 4.

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG DẠY** | **HOẠT ĐỘNG HỌC** |
| **1. Hoạt động mở đầu**  - **Ổn định tổ chức**: Cho HS hát “ Em học toán”.  Tổ chức trò chơi “**Bắn tên**”  - **Khởi động**: Phổ biến luật chơi cho HS.  + Số tròn chục là số như thế nào?  + Số tròn trăm là số như thế nào?  + Số tròn nghìn là các số như thế nào?  - GV yêu cầu HS nêu các số tròn chục, tròn trăm, tròn nghìn theo trò chơi bắn tên, bắn đến tên HS nào thì HS đó nếu số của mình.  - Hãy quan sát tranh và TL nhóm đôi trả lời câu hỏi sau:    + Khi anh thợ điện đến thu tiền điện báo hết bao nhiêu tiền?  + Chị chủ nhà thanh toán bao nhiêu tiền?  + Khi làm tròn số tiền phải trả đến hàng trăm nghìn thì được bao nhiêu?  - GV và HS nhận xét, khen những HS có câu trả lời tốt, động viên những bạn chưa đưa ra câu trả lời chưa chính xác.  + Theo các em vì sao khi nộp tiền điện  số tiền thường lẻ mà ta lại phải làm tròn số?  - **Kết nối**: Ở lớp dưới các em đã được học về cách làm tròn chục, tròn trăm, tròn nghìn và tròn chục nghìn. Bài học hôm nay các em sẽ được học và làm quen thêm một cách làm tròn lớn hơn chục, trăm, nghìn, chục nghìn đó chính là hàng trăm nghìn ta học qua bài hôm nay.  - **GV ghi bảng**: Làm tròn số đến hàng trăm nghìn | - TBVN điều hành lớp hát, vận động tại chỗ  - HS lắng nghe  + Các số tròn chục là những số có hai chữ số( Chữ số đứng trước chỉ hàng chục, chữ số đứng sau chỉ hàng đơn vị) và bao giờ cũng có số 0 ở cuối.  + Các số tròn trăm là những số có ba chữ số( Chữ số đứng trước chỉ hàng chục và trăm, chữ số đứng sau chỉ hàng đơn vị) và bao giờ cũng có số 0 ở cuối.  + Các số tròn nghìn là những số có ba chữ số( Chữ số đứng trước chỉ hàng chục hàng trăm và hàng nghìn, chữ số đứng sau chỉ hàng đơn vị) và bao giờ cũng có số 0 ở cuối.  - HS nêu theo hình thức bắn tên.  - Quan sát tranh thảo luận và Trả lời câu hỏi.  + Hết 299 460 đồng.  + Thanh toán 300 000 đồng.  + Khi làm tròn số đến hàng trăm nghìn, ta so sánh chữ số hàng trăm nghìn với 2. Nếu chữ số hàng trăm nghìn bé hơn 2 thì  làm tròn xuống, còn lại thì làm tròn lên.  + HS trả lời theo ý hiểu.  - HS nhắc nối tiếp đầu bài và ghi vào vở. |
| **3. Hoạt động thực hành, luyện tập.** | |
| **Bài 3: cá nhân**  - Gọi HS nêu yêu cầu bài.  + Bài tập 3 yêu cầu làm gì?  \* GV hướng dẫn nhắc lại và yêu cầu HS tự hoàn thành bài tập: Xét xem số đã cho gần với số tròn trăm nghìn nào hơn rồi kết luận.  - Đôi dép sandan có giá bao nhiêu tiền?  - Vậy số 289 000 đồng gần số nào? Khi bán giá của đôi dép làm tròn lên đến bao nhiêu đồng?  - Máy tính bảng có giá bán là bao nhiêu?  - Vậy số 3 634 000 đồng gần số nào?  Khi bán giá của máy tính bảng làm tròn lên đến bao nhiêu đồng?  - Máy in có giá bao nhiêu?  - Vậy số 4 159 000 đồng gần số nào? Khi bán giá của máy in làm tròn lên đến bao nhiêu đồng?  - Dựa vào câu hỏi gợi ý HS hoàn thiện bài tập vào vở bài tập.  - Nhận xét chữa bài.  **Bài 4: Chia sẻ**  - HS đọc yêu cầu của bài tập.  - GV hướng dẫn làm.  + Khoảng cách từ Sao Hỏa đến Mặt Trời khoảng bao nhiêu kilomet?  + Bạn Vân Anh nói rằng khoảng cách từ Sao Hỏa đến Mặt Trời khoảng kilomet?  + Theo em, Vân Anh đã làm tròn số đến hàng nào?  + Dựa vào đâu em có thể biết bạn Vân Anh có thể trả lời câu hỏi?  - GV nhận xét chữa bài.  **\* GV chốt chuyển bài** | **Bài 3: cá nhân**  - HS nêu yêu cầu bài tập  + Làm tròn giá bán các mặt hàng sau đến hàng trăm nghìn.    - Đôi dép có giá 289 000 đồng.  - Ta thấy số 289 000 gần với số 300 000 hơn số 200 000. Vậy giá bán của đôi dép khi làm tròn đến hàng trăm nghìn là  300 000 đồng.  - Máy tính bảng có giá bán: 3 634 000 đ  - Ta thấy số 3 634 000 gần với số  3 600 000 hơn số 3 700 000. Vậy giá bán của chiếc máy tính khi làm tròn đến hàng trăm nghìn là 3 600 000 đồng.  - Máy in có giá bán: 4 159 000 đồng  - Ta thấy số 4 159 000 gần với số  4 200 000 hơn số 4 100 000. Vậy giá bán của chiếc máy in khi làm tròn đến hàng trăm nghìn là 4 200 000 đồng.  - HS làm bài tập vào vở.   |  |  |  | | --- | --- | --- | | **Đồ vật** | **Giá bán** | **Làm tròn đến hàng trăm nghìn** | | Đôi dép | 289 000 đồng | 300 000 đồng | | Máy tính bảng | 3634 000 | 3600 000 đồng | | Máy in | 4159 000 đồng | 4200 000 đồng |   - Nhận xét  **Bài 4: Chia sẻ**  - Đọc yêu cầu bài tập.  + Khoảng cách từ Sao Hỏa đến Mặt Trời khoảng: 214 261 742 km.  + Bạn Vân Anh nói rằng khoảng cách từ Sao Hỏa đến Mặt Trời khoảng:  214 260 000 km.  + Vân Anh đã làm tròn số đến hàng chục nghìn. Ta thấy số 214 261 742 gần với số 214 260 000 hơn số 214 270 000.  + Dựa vào số bạn Vân Anh nói để trả lời câu hỏi của bài toán.  Lời giải  Làm tròn số 214 261 742 km đến hàng chục nghìn ta được 214 260 000. Như vậy, Vân Anh đã làm tròn số đo khoảng cách từ Sao Hỏa đến Mặt trời lên hàng chục nghìn kilomet. |
| **4. Hoạt động vận dụng**  **Bài 4: Trò chơi**  - HS đọc yêu cầu của bài tập.  + Bài yêu cầu làm gì?  - GV Hướng dẫn gợi ý.  **\* Lưu ý:** Xét xem số đã cho gần với số tròn trăm, số tròn nghìn, số tròn chục nghìn, số tròn trăm nghìn nào hơn rồi kết luận. Nếu chữ số hàng chục bé hơn 5 thì làm tròn lùi, còn lại thì làm tròn tiến.  - GV yêu cầu HS thực hiện trò chơi.  - GV nhận xét HS chơi trò chơi “Đố bạn”  - HS tiếp tục đặt câu hỏi đố các bạn khác cho đến hết.  - Yêu cầu HS nhận xét các bạn chia sẻ trước lớp và đố nhau đã đúng chưa, cách giải thích có hợp lí không.  - GV nhận xét. | - HS đọc yêu cầu của bài tập.  + Viết một số có nhiều chữ số sau đó đố bạn đó đến hàng trăm, hàng nghìn, hàng chục nghìn và hàng trăm nghìn.    - Nghe  - HS chơi trò chơi.  Bạn A: Đố bạn số 438 000 đồng được làm tròn đến số 500 000 đồng đúng hay sai?  Bạn B: số 438 000 đồng được làm tròn đến số 500 000 đồng là sai.  **\* Vì:**  + Số 438 000 đồng có chữ số hàng chục nghìn là 3  + Do 3 < 5 nên ta làm tròn lùi thành số 400 000  Vậy số 438 000 làm tròn đến hàng trăm nghìn thành số 400 000.  - Nhận xét |

**IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY:**

## \_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_

## Tiết 3: LỊCH SỬ VÀ ĐỊA LÍ

## BÀI 2: ĐỊA PHƯƠNG EM

## (TỈNH, THÀNH PHỐ TRỰC THUỘC TRUNG ƯƠNG) (T4)

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT**

**1. Năng lực**

**- Nhận thức lịch sử địa lí :** Xác định được vị trí địa lí của địa phương trên bản đồ hoặc lược đồ.

**- Tìm hiểu lịch sử địa lí :** Tìm hiểu các danh nhân

**- Vận dụng kiến thức kĩ năng đã học:**Trình bày một số nét văn hóa và đặc trưng kinh tế của địa phương; Giới thiệu câu chuyện về các doanh nhân ở địa phương.

**2. Phẩm chất**

* Yêu quê hương, tự hào về cảnh đẹp, lịch sử, văn hóa, con người của địa phương; thể hiện được tình cảm với địa phương và sẵn sàng hành động bảo vệ môi trường xung quanh.
* Có trách nhiệm với phong cảnh, di tích lịch sử của địa phương.
* Thực hiện nhiệm vụ học tập được giao và luôn tự giác tìm hiểu, khám phá tri thức liên quan đến nội dung bài học.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC**

**a. Đối với giáo viên**

* Giáo án, SHS, SGV, SBT Lịch sử Địa lí 4.
* Bản đồ hành chính Việt Nam, bản đồ tự nhiên địa phương (nếu có).
* Tranh ảnh tiêu biểu về thiên nhiên, hoạt động kinh tế, danh nhân của địa phương (nếu có).
* Món ăn, trang phục hoặc tranh ảnh về lễ hội của địa phương.
* Máy tính, máy chiếu; phiếu học tập (nếu có).

**b. Đối với học sinh**

* SHS, Vở bài tập Vở bài tập Lịch sử Địa lí 4, phần Lịch sử.
* Tranh ảnh sưu tầm và dụng cụ học tập có liên quan đến nội dung bài học.

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV** | **HOẠT ĐỘNG CỦA HS** |
| **1. Khởi động:**  - GV Tổ chức cho lớp hát và vận động theo bài hát “Hà Tĩnh mình thương” (1 đoạn)  - GV dẫn dắt vào bài học:  **2. Hình thành kiến thức:**  **\* Danh nhân tiêu biểu**  **Kể lại câu chuyện về một danh nhân ở địa phương**  - GV yêu cầu HS thực hành theo nhóm đôi.  - GV hướng dẫn HS dựa vào Tài liệu giáo dục địa phương và gợi ý trong SHS tr.13 và nêu nhiệm vụ: *Kể lại câu chuyện về một danh nhân địa phương.*  *A screenshot of a computer  Description automatically generated*  - GV mời đại diện các cặp kể lại câu chuyện về danh nhân. Các HS khác lắng nghe, nhận xét.  - GV gợi ý HS kể chuyện theo cấu trúc: *mở đầu câu chuyện; tỉnh tiết/ tình huống cao trào; giải quyết tình huống; kết chuyện.*  - GV nhận xét và đưa ra nhiệm vụ: *Em hãy ghi những đóng góp của danh nhân với địa phương và điều em học được từ câu chuyện về danh nhân đó.*  - GV gợi ý cho HS:  *+ Học tập về phẩm chất, đạo đức*  *+ Học tập về hành động, việc làm.*  *+ Học tập về tri thức.*  *+…*  **3.Luyện tập:**  ***Nhiệm vụ 1: Trò chơi Ai nhanh hơn?***  - GV chia HS cả lớp thành 2 đội chơi.  - GV lần lượt đọc các hỏi trắc nghiệm, các đội xung phong giành quyền trả lời. Đội nào có câu trả lời đúng và nhanh nhất, đó là đội chiến thắng.  - GV đọc câu hỏi:  **Câu 1:** Đặc điểm tự nhiên gồm các phần?  A. Các mùa  B. Sông, hồ  C. Vị trí, địa lí  D. Địa hình, khí hậu, sông hồ  **Câu 2:** Có những dạng địa hình nào?  A. Độ cao, độ dốc của núi, độ cao, các dạng đất  B. Bảng biểu hiện thông tin về các sự kiện lịch sử  C. Độ thấp, các dạng địa hình khác  D. Đồng bằng, cao nguyên, sa mạc, hoang mạc, khấp khểnh,...  **Câu 3:** Những nội dung khi tìm hiểu về nhiệt độ  A. Nhiệt độ trung bình năm, lượng mưa, độ ẩm  B. Các mùa trong năm, nhiệt độ theo các mùa trong năm  C. Nhiệt độ trung bình năm  D. Nhiệt độ trung bình năm, các mùa trong năm  **Câu 4:** Khi tìm hiểu về hoạt động nông nghiệp, cần tìm hiểu những nội dung nào  A. Trồng trọt  B. Trồng trọt, chăn nuôi  C. Trồng trọt, chăn nuôi, lâm nghiệp, thủy sản, nông sản  D. Trồng trọt, chăn nuôi, ngư nghi  **Câu 5: Đâu không phải là văn hóa trong việc đón tết Nguyên đán ở nước ta**  A. Gói bánh chưng, cúng ông bà tổ tiên, mùng 1 không quét nhà  B. Không ra khỏi nhà, ăn mừng lớn  C. Tổ chức các lễ hội  D. Lì xì, đi chúc Tết  - GV mời các đội xung phong trả lời.  - GV nhận xét, đánh giá và tuyên bố đội thắng cuộc.  - GV chốt đáp án:   |  |  |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | --- | --- | | **Câu** | 1 | 2 | 3 | 4 | 5 | | **Đáp án** | D | D | A | C | B |   ***Nhiệm vụ 2. HS trả lời các câu hỏi trong phần Luyện tập SHS tr.13***  - GV yêu cầu HS thực hành theo nhóm đôi.  - GV hướng dẫn HS đọc SHS tr.13 phần Luyện tập và nêu nhiệm vụ:  *+ Hãy giới thiệu và nêu cảm nghĩ của em về địa phương mình.*  *+ Kể những việc em đã làm hoặc sẽ làm để góp phần bảo vệ môi trường nơi em đang sinh sống.*  - GV mời đại diện các cặp trình bày kết quả thảo luận. Các HS khác lắng nghe, nhận xét.  - GV gợi ý cho HS:  *+ Giới thiệu về địa phương với một số nét tiêu biểu như: vị trí địa lí, điều kiện tự nhiên, hoạt động kinh tế nổi bật, nét đặc trưng về văn hóa, danh nhân ở địa phương,...*  *+ Chia sẻ cảm nghĩ (tự hào, yêu thương,...) về địa phương mình.*  *+ Những việc làm góp phần bảo vệ môi trường nơi mình đang sinh sống phù hợp với lứa tuổi: vứt rác đúng nơi quy định; tham gia các hoạt động vệ sinh môi trường; không bẻ cây, hái hoa nơi công cộng.*  - GV nhận xét, tổng kết một số nội dung tích cực theo chia sẻ của HS.  **4.Vận dụng:**  - GV hướng dẫn HS đọc phần Vận dụng trong SHS tr.13, lựa chọn và hoàn thành một trong hai nhiệm vụ:  *+ Sưu tầm bài hát, câu thơ, ca dao, tục ngữ về thiên nhiên, con người ở địa phương.*  *+ Vẽ tranh về phong cảnh nơi HS đang sống.*  - HS lựa chọn thực hiện nhiệm vụ cá nhân hoặc nhóm theo gợi ý.  - GV gợi ý cho HS:  *+ Sưu tầm trên internet; hỏi ý kiến của phụ huynh hoặc người lớn tuổi trong gia đình để có những bài hát, câu thơ,*  *ca dao, tục ngữ đúng với thiên nhiên, con người ở địa phương.*  *+ Vẽ một bức tranh về một phong cảnh cụ thể của địa phương như: dòng sông, ngọn núi, ngôi làng, con đường, toà nhà, ngôi chùa, trường học,...*  - GV có thể cho HS nộp sản phẩm trực tiếp hoặc trực tuyến.  - GV nhận xét, tóm tắt lại những nội dung chính của bài học. | - Hát và vận động theo bài hát  - HS thực hành nhóm đôi.  - HS đọc tài liệu.  - HS kể lại câu chuyện theo cặp.  - HS lắng nghe, tiếp thu.  - HS lắng nghe, thực hiện.  - HS lắng nghe, tiếp thu.  - HS chia thành các đội chơi.  - HS lắng nghe GV phổ biến luật chơi.  - HS chơi trò chơi.  - HS thực hành nhóm đôi.  - HS đọc phần luyện tập.  - Các cặp trình bày kết quả.  - HS lắng nghe, tiếp thu.  - HS lắng nghe, tiếp thu.  - HS đọc phần Vận dụng.  - HS thực hành theo yêu cầu của GV.  - HS nộp sản phẩm theo yêu cầu của GV.  - HS tiếp thu, thực hiện |

**IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY:**

**\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_**

Tiết 2: KHOA HỌC

**BÀI 4: KHÔNG KHÍ XUNG QUANH TA**

1. **YÊU CẦU CẦN ĐẠT**

**1. Năng lực**

**- Nhận thức khoa học:**

+ Kể được tên thành phần chính của không khí.

+ Trình bày được ứng dụng tính chất của không khí đối với đời sống.

**- Tìm hiểu môi trường tự nhiên xung quanh:** Quan sát, làm được thí nghiệm để nhận biết được trong không khí có hơi nước và bụi.

**- Vận dụng kiến thức kí năng đã học:** Rèn luyện kĩ năng làm thí nghiệm, hoạt động trải nghiệm, qua đó góp phần phát triển năng lực khoa học.

**2. Phẩm chất**

- Có ý thức bảo vệ môi trường không khí xung quanh.

1. **ĐỒ DÙNG DẠY HỌC**

**1. Thiết bị dùng chung cho cả lớp:** Hình ảnh về biểu đồ thành phần không khí; các hình ảnh minh họa trong sách giáo khoa cho các thí nghiệm về không khí được thực hiện.

**2. Thiết bị dùng để thực hành theo nhóm, cá nhân:** Bộ dụng cụ thí nghiệm cho từng nhóm: hai cốc nước như nhau, các viên nước đá; một chậu nước, một chai rỗng có nắp đậy, một miếng mút xốp; một chiếc bơm tiêm.

1. **HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV** | **Hoạt động của HS** |
| **1.Khởi động:**  - GV cho cả lớp vận động và hát theo bài hát “Tập thể dục buổi sáng”.  - GV đặt câu hỏi:  + Hãy cho biết sau khi đếm 1, 2, 3, 4 thì các bạn nhỏ trong bài hát làm gì?  + Khí nào trong không khí cần thiết cho sự hô hấp của con người, động vật và thực vật?  - GV dẫn dắt vào bài mới: “Không khí xung quanh ta”. | - HS vận động và hát theo bài hát.  - HS trả lời.  + Các bạn nhỏ hít thở.  + Khí ô-xi.  - HS lắng nghe. |
| **2.HT kiến thức:**  **HĐ1: Xác định thành phần của không khí**  - GV yêu cầu HS đọc yêu cầu trong SGK trang 17.  “Dựa vào các hình dưới đây, cho biết:  + Thành phần chính của không khí.  + Ngoài các thành phần chính, trong không khí còn chứa những gì?”  sgk tr 17 - KH4 - CD  - GV yêu cầu HS quan sát hình 1, 2, 3; sau đó thảo luận nhóm 2 để trả lời:  + Các thành phần chính của không khí.  + Ngoài các thành phần chính, trong không khí còn chứa những gì?  - GV yêu cầu một số HS trả lời, các HS còn lại nhận xét và bổ sung (nếu có).  - GV nhận xét và bổ sung (nếu có).  **HĐ2: Thực hành thí nghiệm nhận biết trong không khí có hơi nước**  - GV phổ biến cho HS thực hiện thí nghiệm để nhận biết trong không khí có hơi nước như sau:  \*Chuẩn bị: Hai cốc nước như nhau và các viên nước đá.  \*Tiến hành:  + Quan sát bên ngoài thành cốc A và cốc B.  + Cho một số viên nước đá vào cốc B. Sau khoảng từ 3 đến 5 phút, quan sát hiện tượng xảy ra ở bên ngoài thành cốc A và cốc B.  - GV chia lớp thành các nhóm 6, phát bộ thí nghiệm cho từng nhóm và yêu cầu các nhóm tiến hành thí nghiệm.  - GV yêu cầu đại diện một số nhóm trình bày kết quả thí nghiệm, các nhóm còn lại nhận xét và bổ sung (nếu có).  - GV yêu cầu HS tiếp tục thảo luận nhóm 6 và đưa ra lý do giải thích thành cốc B bị bám những giọt nước nhỏ.  - GV yêu cầu đại diện một số nhóm trả lời, các nhóm còn lại nhận xét và bổ sung (nếu có).  - GV nhận xét và bổ sung (nếu có). | - HS đọc yêu cầu.  - HS thực hiện.  - Một số HS trả lời, các HS còn lại nhận xét và bổ sung (nếu có).  + Các thành phần chính của không khí: khí ni–tơ, khí ô–xi.  + Ngoài các thành phần chính, trong không khí còn chứa: khí các–bô–níc và các chất khí khác.  - HS lắng nghe.  - HS lắng nghe.  - HS thực hiện.  - Đại diện một số nhóm trình bày kết quả thí nghiệm, các nhóm còn lại nhận xét và bổ sung (nếu có).  + Thành cốc B bị bám những giọt nước nhỏ.  - HS thực hiện.  - Đại diện một số nhóm trả lời, các nhóm còn lại nhận xét và bổ sung (nếu có).  + Do cốc B có nước đá nên nhiệt độ xuống thấp, khiến cho hơi nước trong không khí xung quanh cốc bị ngưng tụ thành giọt nước nhỏ bám quanh thành cốc.  - HS lắng nghe. |
| **3.Luyện tập-Vận dụng**  **HĐ 3: Liên hệ thực tế về việc không khí có chứa bụi, hơi nước**  - GV yêu cầu HS thảo luận nhóm 4 để nêu một số ví dụ chứng minh trong không khí có chứa hơi nước, bụi.  - GV yêu cầu đại diện một số nhóm trả lời, các nhóm còn lại nhận xét và bổ sung (nếu có).  - GV đặt câu hỏi để HS rút ra kết luận:  + Trong không khí gồm có những thành phần nào?  + Đâu là thành phần chính của không khí?  - GV nhận xét và bổ sung (nếu có).  **\*Tiếp nối:**  - GV yêu cầu HS về nhà xem lại bài.  - GV yêu cầu HS chuẩn bị nội dung tiết học tiếp theo: “Không khí xung quanh ta (tiết 2)”. | - HS thực hiện.  - Đại diện một số nhóm trả lời, các nhóm còn lại nhận xét và bổ sung (nếu có).  + Vào sáng sớm, đặc biệt là vào mùa đông, trời lạnh, ta sẽ thấy hiện tượng sương mù.  + Khi để đồ vật ở bên ngoài không khí, không có che chắn gì, sau một thời gian sẽ thấy bụi bẩn bám vào đồ vật.  - HS trả lời.  + Trong không khí gồm có: khí nitơ, khí ô–xi, hơi nước, khói, bụi, khí các–bô–níc và các chất khí khác.  + Thành phần chính của không khí là khí nitơ và khí ô–xi.  - HS lắng nghe. |

**IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY:**

**------------------------------------------------**

Tiết 3: TIẾNG VIỆT

**Bài viết 3: TRẢ BÀI VIẾT ĐOẠN VĂN VỀ MỘT NHÂN VẬT (1 tiết)**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:**

**1. Phát triển năng lực ngôn ngữ:**

- Nghe – hiểu, đọc- hiểu lời nhận xét của cô giáo (thầy giáo) về bài viết của mình và các bạn.

- Có kỹ năng phát hiện và chữa lỗi về cấu tạo, nội dung, cách dùng từ, đặt câu, chính tả để hoàn thiện bài viết.

**2. Phát triển năng lực văn học:**

- Bước đầu biết lựa chọn, sử dụng từ ngữ biểu đạt tình cảm, cảm xúc khi viết về nhân vật.

**2. Phẩm chất:**

- Phát triển NL giải quyết vấn đề và sáng tạo (khi tham gia phát hiện lỗi, chữa bài, viết lại đoạn văn trong bài). Bồi dưỡng phẩm chất nhân ái (trân trọng thành quả và sự tiến bộ của bạn trong học tập)

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC:**

– GV chuẩn bị: Tivi, máy tính, tranh minh hoạ bài đọc trong SGK.

– HS chuẩn bị: SGK Tiếng Việt 4, tập một, Vở bài tập Tiếng Việt 4, tập một.

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY VÀ HỌC:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** |
| **1.Khởi động:**  - GV tổ chức cho HS hát và kết hợp vận động một bài mà các em yêu thích.  - GV dẫn dắt vào bài mới: Trong tiết học trước, các em đã được làm bài luyện tập viết đoạn văn về một nhân vật. Hôm nay, cô (thầy) sẽ hướng dẫn các em sửa các lỗi chung về cấu tạo và nội dung đoạn văn cho bài văn đó nhé. | - TBVN bắt nhịp cho cả lớp hát kết hợp vận động theo nhạc.  - HS lắng nghe. |
| **2. Thực hành luyện tập**  **\*HĐ1: Nghe nhận xét chung về bài viết của cả lớp.**  **-** GV nhận xét chung về bài viết của cả lớp:  + Ưu điểm, nhược điểm chung của cả lớp.  + Những lỗi chính tả điển hình về bố cục, nội dung, dùng từ, đặt câu, chính tả, .... (Trình chiếu trên màn hình)  + Tuyên dương những HS có bài viết hay, có tiến bộ nổi bật.  + GV chọn đọc một số bài viết hay.  **\*HĐ2: Tham gia sửa bài cùng cả lớp**  - GV tổ chức cho HS chữa một số lỗi điển hình (về cấu tạo, nội dung, cách dùng từ, đặt câu, chính tả,...) của lớp.  - GV trình chiếu lên màn hình những lỗi phổ biến trong bài chấm.  - Mời HS chia sẻ cách sửa lỗi.  - GV chốt ý cách sửa.  **\*Lưu ý:**  + Có thể xây dựng các BT chữa lỗi với nguồn ngữ liệu từ bài viết của HS (Trình chiếu lên slide)  + Có thể tổ chức HĐ nhóm hoặc HĐ lớp.  + Có thể cho HS nghe bài viết đoạn văn về một nhân vật tốt.  **HĐ3: Tự sửa bài**  - GV hướng dẫn HS tự sửa bài bài viết của mình.  + Đọc kĩ nhận xét của GV về bài viết của mình.  + Tự sửa lỗi về dùng từ, đặt câu, chính tả, ... trong bài.  \*GV theo dõi và hỗ trợ HS gặp khó khăn,  **HĐ4: Đổi bài cho bạn để kiểm tra việc sửa lỗi.**  - GV yêu cầu HS làm việc nhóm đôi: đổi bài viết (đã sửa), góp ý để bạn hoàn thiện bài viết (nếu có).  - Mời 1 – 2 HS báo cáo kết quả sửa bài.  - GV nhận xét, bổ sung ý kiến để HS tiếp tục hoàn thiện bài viết (nếu cần). | - HS chú ý theo dõi  - Lắng nghe để học tập  - Làm việc cả lớp.  - HS đọc bài trên màn hình, phát hiện ra những lỗi phổ biến.  - Suy nghĩ và nối tiếp chia sẻ cách sửa lỗi những lỗi điển hình đó.  - HS làm việc cá nhân:  + Đọc kĩ nhận xét của GV về bài viết của mình.  + Tự sửa lỗi về dùng từ, đặt câu, chính tả, ... trong bài.  - HS làm việc nhóm đôi: đổi bài viết (đã sửa), góp ý để bạn hoàn thiện bài viết (nếu có).  - 1-2 HS báo cáo kết quả sửa bài. Lớp theo dõi, nhận xét và bổ sung cho bạn (nếu cần)  - Lắng nghe để rút kinh nghiệm. |
| **3. Vận dụng.**  GV hỏi: Qua tiết học hôm nay, các em đã làm được những gì?  - GV nhắc HS phải chú ý thực hiện đúng yêu cầu khi viết một đoạn văn về nhân vật.  - GV nhận xét tiết học và hướng dẫn HS chuẩn bị cho bài Góc sáng tạo: Đố vui: Ai chăm, ai ngoan. | - HS nối tiếp chia sẻ.  - Lắng nghe, rút kinh nghiệm.  - Lắng nghe, thực hiện |

**IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY:**

**\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_**

**Thứ ba, ngày 26 tháng 9 năm 2023**

Tiết 1: TOÁN

**LUYỆN TẬP (T1)**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT**

**1. Kiến thức, kĩ năng:**

- Đọc, viết, so sánh các số có nhiều chữ số, làm tròn số đến hàng trăm nghìn.

- Nhận biết số chẵn, số lẻ.

**2. Năng lực**

- Năng lực tư duy và lập luận toán học: Luyện tập về đọc, viết, so sánh các số có nhiều chữ số, làm tròn số đến hàng trăm nghìn.

- Năng lực giải quyết vấn đề toán học: Nhận biết số chẵn, số lẻ. Vận dụng được cách so sánh, phân tích các số có nhiều chữ số và làm tròn số đến hàng trăm nghìn vào thực tế cuộc sống.

**3. Phẩm chất:**

Hình thành sự chăm chỉ, trung thực và ý thức trách nhiệm đối với bản thân và tập thể. Biết chăm chỉ học tập nghiêm túc. Yêu thích học Toán.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC:**

- ***GV***: Bảng phụ ghi các hàng từ trăm triệu đến đơn vị trong đó có các ô để học sinh có thể điền số và viết số; SGK Toán 1.

- ***HS***: SGK, VBT Toán tập 1, bộ đồ dùng học Toán 4.

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY - HỌC CHỦ YẾU:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** |
| **1.Khởi động:**  - Ổn định tổ chức: Cho HS hát “ Bé học phép trừ”.  - Khởi động: Yêu cầu HS quan sát câu hỏi và trả lời.  + Số chẵn là gì? Hãy nêu ví dụ?  + Số lẻ là gì? Hãy nêu ví dụ?  + Cách đọc các số chẵn lẻ như thế nào?  + Hãy nêu lại quy ước làm tròn số đến hàng trăm nghìn  - GV gọi học sinh nhận xét câu trả lời của các bạn.  -Giới thiệu vào bài | - TBVN điều hành lớp hát, vận động tại chỗ.  - Quan sát đọc câu hỏi và trả lời:  - Số chẵn là những số có đuôi sau cùng là các số 0, 2, 4, 6, 8.  ***Ví dụ:*** 2, 4, 6, 8, 10, 12, 14, 16,....  - Số lẻ là số sau cùng có đuôi là 1, 3, 5, 7, 9 và khi chia cho 2 sẽ có số dư.  ***Ví dụ:*** 11, 13, 15, 17, 19, 21, 23,....  - HS đọc.  - Nếu chữ số đầu tiên trong các chữ số bị bỏ đi nhỏ hơn 5 thì ta giữ nguyên bộ phận còn lại. Trong trường hợp số nguyên thì ta thay các chữ số bỏ đi bằng chữ số 0.  + Nếu chữ số đầu tiên trong các chữ số bị bỏ đi lớn hơn hoặc bằng 5 thì ta cộng thêm 1 vào chữ số cuối cùng của bộ phận còn lại. Trong trường hợp số nguyên thì ta thay các chữ số bỏ đi bằng chữ số 0.  - Nhận xét câu trả lời.  - HS lắng nghe. |
| **2.Luyện tập-Thực hành:**  **Bài 1: Cá nhân**  - GV gọi HS nêu yêu cầu của bài tập.  - Bài tập 1 thực hiên theo gì?  + Quan sát bài tập hãy cho biết trong đó có mấy lớp, đó là lớp nào?  + Lớp đơn vị có mấy hàng đó là những hàng nào?  + Lớp nghìn có mấy hàng đó là những hàng nào?  + Lớp triệu có mấy hàng đó là những hàng nào?  - **Mẫu: Số 150 927 643** gồm mấy hàng, mấy lớp? Hãy nêu các chữ số ở các hàng và lớp đó.  - Hãy đọc Số 150 927 643. | - HS nêu yêu cầu của bài tập.  - Thực hiện (theo mẫu):  + Có 3 lớp, đó là các lớp: Lớp đơn vị. Lớp nghìn. Lớp triệu.  + Lớp đơn vị có 3 hàng đó là các hàng: hàng trăm, hàng chục và hàng đơn vị  + Lớp nghìn có ba hàng: hàng nghìn, hàng chục nghìn và hàng trăm nghìn.  + Lớp triệu có 3 hàng: hàng triệu, hàng chục triệu, hàng trăm triệu.  **- Mẫu:** Số 150 927 643 gồm 3 hàng, 3 lớp. + Lớp đơn vị gồm:6 trăm, 4 chục và 3 đơn vị .  + Lớp nghìn gồm: 9 trăm nghìn, 2 chục nghìn và 7 nghìn.  + Lớp triệu gồm:1 trăm triệu, 5 chục triệu.  **- Đọc số:** *Một trăm năm mươi triệu chín trăm hai mươi bảy nghìn sáu trăm bốn mươi ba* |
| - GV gọi HS đọc lại các số vừa phân tích hàng và lớp.  - Yêu cầu HS làm bài, sau đó kiểm tra  rồi đổi chéo vở kiểm tra kết quả.  - Gọi HS nhận xét  - GV nhận xét chữa bài.  **\* GV chốt chuyển**  **Bài 2: nhóm đôi**  - GV gọi HS nêu yêu cầu của bài tập.  - Bài tập 2 yêu cầu là gì?    - GV yêu cầu HS thảo luận nhóm đôi và tìm hiểu từng con số, viết thành số, số đó có mấy chữ số, số đó có mấy số 0.  - YC học sinh nêu và chia sẻ cách làm của nhóm trước lớp.  - *Số 39 000 nghìn gồm mấy chữ số? Có mấy chữ số 0?*  - *Số 600 000 nghìn gồm mấy chữ số? Có mấy chữ số 0?*  - *Số 85 000 000 triệu gồm mấy chữ số? Có mấy chữ số 0?*  - *Số 20 000 000 triệu gồm mấy chữ số? Có mấy chữ số 0?*  - *Số 700 000 000 triệu gồm mấy chữ số? Có mấy chữ số 0?*  - GV yêu cầu HS làm bài vào vở, sau đó đổi chéo vở kiểm tra cách làm cùng bạn trong nhóm.  - GV yêu cầu HS nhận xét bài của bạn.  - GV nhận xét, tuyên dương nhóm thực hiện tốt, nhanh.  **\* GV chốt chuyển**  **Bài 3:**  - Đọc yêu cầu bài  - Bài yêu cầu làm gì?  ***3.1. Nhận biết số chẵn, số lẻ.***  - GV cho HS thảo luận nhóm 4 và lấy một số ví dụ cụ thể.  + Số nào là số chia hết cho 2? Lấy ví dụ các số đó?  ***\* Ghi chú:*** Số chia hết cho 2 là số chia cho 2 không còn dư.  + Số nào là số không chia hết cho 2? Lấy ví dụ  ***\* Chi chú***: Số không chia hết cho 2 là số chia cho 2 còn dư 1.  - GV gọi học sinh đọc lại phần ghi chú trên bảng.  ***3.2. Luyện tập, thực hành***.  - Gọi HS đọc yêu cầu của bài.  - GV yêu cầu HS làm bài, và đổi chéo kiểm tra kết quả.  **a)** *Trong các số 41, 42, 43, 100, 3 015, 60 868, số nào là số chẵn? Số nào là số lẻ?*  **b)** *Nhận xét về chữ số tận cùng trong các số lẻ, các số chẵn ở câu a.*  **c)** Đọc thông tin sau rồi lấy ví dụ minh họa:  • Các số có chữ số tận cùng là 0, 2, 4, 6, 8 thì chia hết cho 2.  • Các số có chữ số tận cùng là 1, 3, 5, 7, 9 thì không chia hết cho 2.  - GV nhận xét, chưa bài, tuyên dương.  **4.Vận dụng:**  **Bài 4: cá nhân**  - HS đọc yêu cầu bài.  - Bài tập 4 yêu cầu làm gì?  - Yêu cầu HS tự làm vào vở bài tập.  ***\* Hướng dẫn***: HS đếm thêm các số chẵn và số lẻ tương ứng trong ô ?  - GV yêu cầu HS đổi vở kiểm tra kết quả.  - GV nhận xét, tuyên dương. | - HS đọc  - HS làm bài, đổi vở kiểm tra chéo nhau.  - Nhận xét  - Nghe GV nhận xét.  **Bài 2: nhóm đôi**  - HS nêu yêu cầu c  ủa bài tập.  - Bài tập 2 yêu cầu là: Viết các số sau rồi cho biết mỗi số có bao nhiêu chữ số, mỗi số có bao nhiêu chữ số 0:  - HS thảo luận nhóm đôi và tìm hiểu từng con số, viết thành số, số đó có mấy chữ số, số đó có mấy số 0.  - Đại diện nhóm chia sẻ trước lớp.  - Ba mươi chín nghìn: 39 000. Số 39 000 có 5 chữ số và có 3 chữ số 0.  - Sáu trăm nghìn: 600 000. Số 600 000 có 6 chữ số và có 5 chữ số 0.  - Tám trăm lăm triệu: 85 000 000. Số 85 000 000 có 8 chữ số và có 6 chữ số 0.  - Hai mươi triệu: 20 000 000. Số 20 000 000 có 8 chữ số và có 7 chữ số 0.  - Bảy trăm triệu: 700 000 000. Số 700 000 000 có 9 chữ số và có 8 chữ số 0.  - HS làm bài vào vở.  *Lời giải*   |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | | **Số đã cho** | **Viết số** | **Số chữ số** | **Chữ số 0** | | Ba mươi chín nghìn | 39 000 | 5 | 3 | | Sáu trăm nghìn | 600 000 | 6 | 5 | | Tám trăm lăm triệu | 85 000 000 | 8 | 6 | | Hai mươi triệu | 20 000 000 | 8 | 7 | | Bảy trăm triệu | 700 000 000 | 9 | 8 |   - Nhận xét bài của bạn trong nhóm.  **Bài 3:**  - Đọc yêu cầu bài.  - Bài yêu cầu về số chẵn, số lẻ.  - HS thảo luận nhóm trả lời các câu hỏi.  + Số chia hết cho 2 là số chẵn.  ***Ví dụ***: 0, 2, 4, 6, 8, .., 156, 158, 160, ... là các số chẵn.  + Số không chia hết cho 2 là số lẻ.  ***Ví dụ***: 1, 3, 5, 7, 9, ... 567, 569, 571, ... là các số lẻ.  - 3 HS đọc lại ghi chú trên bảng  - HS đọc yêu cầu bài.  - HS làm bài vào vở bài tập, sau đó đổi vở kiểm tra kết quả của nhau.  **a)** Trong các số đã cho:  + Số chẵn: 42, 100, 60 868.  + Số lẻ: 41, 43, 3 015.  **b)** Trong các số đã cho:  + Chữ số tận cùng trong các số chẵn ở câu a là: 0, 2, 8.  + Chữ số tận cùng trong các số lẻ ở câu a là: 1, 3, 5.  **c)** ***Ví dụ.***  - Các số chia hết cho 2 là 24, 40, 42, 64, 76, 88, 90,...  - Các số không chia hết cho 2 là 21, 43, 45, 67, 79,.....    **Bài 4: cá nhân**  - HS đọc yêu cầu bài.  - a) Nêu số chẵn, lẻ thích hợp cho mỗi ô ? sau:  - HS tự làm vở bài tập.  *Lời giải*  a) Dãy số đã cho gồm các số chẵn liên tiếp cách đều 2 đơn vị.  Vậy ta điền như sau:  280; 282; 284; **286 ; 288** ; 290  b) Dãy số đã cho gồm các số lẻ liên tiếp cách đều 2 đơn vị.  Vậy ta điền như sau:  8 16; 8 169; 8 171; **8 173 ; 8 175 ;**  8 177.  - HS đổi vở kiểm tra kết quả. |

**IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY:**

Tiết 3: TIẾNG VIỆT

**TRAO ĐỔI: CHĂM HỌC, CHĂM LÀM (1 tiết)**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:**

**1. Phát triển năng lực ngôn ngữ:**

- Trình bày được ý kiến về tính cách của nhân vật trong một câu chuyện đã học.

- Trao đổi với các bạn về những việc làm của bản thân (hoặc của người khác) thể hiện được đức tính chăm chỉ trong học tập và lao động

- Biết điều chỉnh bài nói phù hợp với thái độ, phản hồi của người nghe.

- Biết cách nghe, ghi chép vắn tắt nhận xét về bài nói và ý kiến của bạn trong trao đổi về cách đặt câu hỏi hoặc phát biểu ý kiến.

**2. Phát triển năng lực văn học:**

- Cảm nhận được đặc điểm nhân vật trong văn bản đã học.

**2. Phẩm chất:**

- Phát triển NL giao tiếp và hợp tác (biết nghe, ghi, trao đổi cùng các bạn, chủ động, tự nhiên, tự tin, có thái độ đúng khi nghe và nói: lắng nghe, tôn trọng người nói, tôn trọng người nghe)

- Bồi dưỡng PC chăm chỉ (có ý thức chăm chỉ, yêu quý những người say mê học tập, ham thích lao động)

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC:**

- GV chuẩn bị: Tivi, máy tính, tranh minh hoạ bài đọc trong SGK.

- HS chuẩn bị: SGK Tiếng Việt 4, tập một, Vở bài tập Tiếng Việt 4, tập một.

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY VÀ HỌC:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** |
| **1. Khởi động:**  - GV tổ chức cho HS hát và kết hợp vận động một bài mà các em yêu thích.  - GV dẫn dắt vào bài mới: Trong tiết nói và nghe hôm nay, các em trình bày ý kiến về tính cách của nhân vật trong một câu chuyện đã học ở bài 2. Sau đó, các em sẽ trao đổi về những việc làm của bản thân (hoặc của một người mà các em biết) thể hiện đức tính chăm chỉ trong học tập và lao động. | - TBVN bắt nhịp cho cả lớp hát kết hợp vận động theo nhạc.  - HS lắng nghe. |
| **2.HT kiến thức**  **Hoạt động 1: Chuẩn bị cho bài nói.**  Đề 1: Trình bày ý kiến về tính cách của nhân vật trong câu chuyện đã học ở Bài 2  noi-va-nghe-trao-doi-cham-hoc-cham-lam  Đề 2: Trao đổi với các bạn về những việc làm của em (hoặc của một người mà em biết) thể hiện đức tính chăm chỉ trong học tập và lao động.  **noi-va-nghe-trao-doi-cham-hoc-cham-lam-2** | |
| - GV mời HS đọc yêu cầu bài.  - GV yêu cầu HS quan sát, đọc gợi ý và chọn 1 trong 2 đề.  - GV hỏi: Em chọn đề nào?  + Nếu học sinh chọn đề 1: Em sẽ giới thiệu nhân vật nào? Vì sao em chọn nhân vật đó?  + Nếu học sinh chọn đề 2: Em sẽ giới thiệu về việc làm của ai? Đó là việc gì? Vì sao em chọn giới thiệu việc làm đó? | - 1-2 HS đọc yêu cầu bài.  - HS quan sát, đọc gợi ý 2 đề.  - HS ngồi thành 2 dãy: dãy chọn đề 1 và dãy chọn đề 2 |
| **Hoạt động 2: Trình bày bài nói**.  \* Hoạt động nhóm đôi: Cho HS trình bày bài nói trong nhóm đôi dựa vào nội dung đã chuẩn bị.  \* Hoạt động cả lớp: Yêu cầu các nhóm cử đại diện trình bày bài nói trước lớp  - GV lưu ý HS cách trình bày: nội dung, dùng từ, diễn đạt, ngữ điệu nói kết hợp thái độ, cử chỉ khi nói…..  - GV nhận xét, bình chọn bài nói hay, trình bày hấp dẫn. | - HS trao đổi với bạn  - Đại diện trình bày bài của mình trước lớp  - Các HS khác nhận xét |
| **3.Vận dụng**  - GV nhận xét tiết học, tuyên dương HS có bài nói hay, thuyết phục, những HS tiến bộ về kĩ năng nói, nghe.  - Giao nhiệm vụ HS về nhà chia sẻ bài nói cho người thân nghe. | - HS nối tiếp chia sẻ trước lớp  - HS Lắng nghe, rút kinh nghiệm. |

**IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY:**

**\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_**

**Buổi chiều:**

Tiết 1: TOÁN

**LUYỆN TẬP (T2)**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT**

**1. Kiến thức, kĩ năng:**

- Đọc, viết, so sánh các số có nhiều chữ số, làm tròn số đến hàng trăm nghìn.

- Nhận biết số chẵn, số lẻ.

**2. Năng lực**

- Năng lực tư duy và lập luận toán học: Luyện tập về đọc, viết, so sánh các số có nhiều chữ số, làm tròn số đến hàng trăm nghìn.

- Năng lực giải quyết vấn đề toán học: Nhận biết số chẵn, số lẻ. Vận dụng được cách so sánh, phân tích các số có nhiều chữ số và làm tròn số đến hàn trăm nghìn vào thực tế cuộc sống.

**3. Phẩm chất:**

Hình thành sự chăm chỉ, trung thực và ý thức trách nhiệm đối với bản thân và tập thể. Biết chăm chỉ học tập nghiêm túc. Yêu thích học Toán.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC:**

- ***GV***: Bảng phụ ghi các hàng từ trăm triệu đến đơn vị trong đó có các ô để học sinh có thể điền số và viết số; SGK Toán 1.

- ***HS***: SGK, VBT Toán tập 1, bộ đồ dùng học Toán 4.

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY - HỌC CHỦ YẾU:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** |
| **1.Khởi động:**  -HS hát bài Lớp chúng mình  **-**GV viết số lên bảng, yêu cầu HS xung phong trả lời.  Ví dụ: Xác định chữ số ở các hàng trong số: 149 597 876    -Giới thiệu vào bài | - TBVN điều hành lớp hát, vận động tại chỗ.  - HS chú ý lắng nghe, giơ tay phát biểu.  - Kết quả:  + Lớp triệu:  Hàng trăm triệu: 1, Hàng chục triệu: 4  Hàng triệu: 9  + Lớp nghìn: Hàng trăm nghìn: 5  Hàng chục nghìn: 9*,* Hàng nghìn: 7  + Lớp đơn vị: Hàng trăm: 8,Hàng chục: 7*,* Hàng đơn vị: 6  - HS lắng nghe. |
| **2.Luyện tập-Thực hành:**  **Bài 5**  - HS đọc yêu cầu bài  - Bài tập yêu cầu làm gì?  ***\* Hướng dẫn***: Cho HS chơi trò chơi theo nhóm 4. Một bạn nêu một số có 4 chữ số tùy ý, chỉ một bạn trong nhóm cho biết là số chẵn hay số lẻ. Bạn trả lời đúng thì tiếp tục nêu một số và yêu cầu thành viên khác trong nhóm trả lời. Cứ thay phiên và đến khi tất cả các thành viên trong nhóm trả lời.  - GV yêu cầu tất cả các nhóm cùng tham gia chơi.  - GV cho HS nhận xét, nêu lại cách nhận số chẵn và số lẻ và dựa vào số tận cùng.  - GV nhận xét các nhóm chơi.  **Bài 6: cá nhân**  - HS đọc yêu cầu bài  - Bài tập yêu cầu làm gì?    - GV nhận xét. Khen học sinh.  *\* Chú mèo đi đi theo con đường ghi các*  *số như sau: 32; 90; 16; 632; 70; 80; 16;*  *674; 62; 720; 890.*  **Bài 7**  - HS đọc yêu cầu bài  - Bài tập yêu cầu làm gì?  \* HS học sinh làm bài: Quan sát bảng số liệu dân số của Thái Bình, Đà Nẵng, Bình Dương, Quảng Ninh. Đọc dân số của các tỉnh đó, và sắp xếp các tỉnh có dân số từ thấp đến cao.  - HS làm vở bài tập.  *a) Em hãy đọc số dân của các tỉnh, thành phố đó theo thứ tự tăng dần.*  *b) Em hãy làm tròn số dân của các tỉnh, thành phố đó đến hàng trăm nghìn.*  - GV yêu cầu HS đổi chéo vở kiểm tra bài làm của nhau.  - GV yêu cầu HS nhận xét, chữa bài bạn  - GV nhận xét, chữa bài, khen HS.  **\* GV chốt chuyển** | **Bài 5**  - 1 HS đọc yêu cầu bài.  - Viết một số có bốn chữ số rồi đố bạn số đó là số chẵn hay số lẻ.    - HS nghe HS chơi trò chơi.  **Ví dụ**:  ***+ Bạn A:*** Đố bạn số 2 024 là số chẵn hay số lẻ?  ***Bạn B*** trả lời: Số 2 024 là số chẵn.  ***+ Bạn C***: Đố bạn số 1224 là số chẵn hay số lẻ?  ***⟹ Bạn D*** trả lời: Số 1224 là số chẵn.  ***Bạn A***: Đố bạn số 1313 là số chẵn hay số lẻ?  ***⟹ Bạn B*** trả lời: Số 1313 là số lẻ,.....  **Bài 6: cá nhân**  - 1 HS đọc yêu cầu bài.  - Em hãy chỉ đường giúp chú mèo tìm  được cuộn len bị thất lạc bằng cách đi theo con đường ghi các số chẵn:    **Bài 7**  - 1 HS đọc yêu cầu bài.  - Bảng dưới đây cho biết thông tin về dân số của một số tỉnh, thành phố ở nước ta năm 2020:    *a) Sắp xếp các tỉnh, thành phố theo thứ tự số dân tăng dần*: Đà Nẵng, Quảng Ninh, Thái Bình, Bình Dương.  Đọc số dân của các tỉnh, thành phố đó theo thứ tự tăng dần:  + Một triệu một trăm sáu mươi chín nghìn năm trăm; 1 169 500  + Một triệu ba trăm ba mươi bảy nghìn sáu trăm; 1 370 600  + Một triệu tám trăm bảy mươi nghìn hai trăm; 1 870 2000  + Hai triệu năm trăm tám mươi nghìn sáu trăm; 2 580 600.  b) *Làm tròn số dân của các tỉnh, thành phố đó đến hàng trăm nghìn*.  + Làm tròn dân số tỉnh Thái Bình đến hàng trăm nghìn là 1 900 000.  + Làm tròn dân số tỉnh Đà Nẵng đến hàng trăm nghìn là 1 200 000.  + Làm tròn dân số tỉnh Bình Dương đến hàng trăm nghìn là 2 600 000.  + Làm tròn dân số tỉnh Quảng Ninh đến hàng trăm nghìn là 1 300 000.   |  |  |  | | --- | --- | --- | | **Tỉnh thành** | **Số dân (người)** | **Làm tròn** | | Đà Nẵng | 1 169 500 | 1 200 000. | | Quảng Ninh | 1 370 600 | 1 300 000 | | Thái Bình | 1 870 200 | 1 900 000 | | Bình Dương | 2 580 600 | 2 600 000 |   - Kiểm tra đổi vở.  - HS nhận xét chưa bài cùng nhau. |
| **3.Vận dụng:**  **Bài 8:**  - HS đọc yêu cầu bài  - Bài tập yêu cầu làm gì?  - HS tìm hiểu giá tiền một số đồ vật, ghi lại các con số chỉ giá tiền cho bạn nghe.  - GV nhận xét, khen HS nêu được nhiều nhất các đồ vật có quanh ta và nêu được  giá tiền của các vật dụng đó.  - Nhận xét tiết học  - Chuẩn bị bài tiếp theo: *Số tự nhiên, dãy số tự nhiên* - Trang 31, 32. | - 1 HS đọc yêu cầu bài.  - Em hãy tìm hiểu giá tiền một số đồ vật có giá trị đến triệu đồng, chục triệu đồng, trăm triệu đồng rồi ghi lại.  *Ví dụ:*  *- Chiếc máy tính để bàn có giá khoảng 8 triệu đồng.*  *- Chiếc tủ lạnh có giá khoảng 23 triệu đồng.*  *- Chiếc ô tô có giá khoảng 750 triệu đồng.*  + HS nêu giá tiền của một số đồ vật quanh cuộc sống hàng ngày của chúng ta và gia đình.  **Ví dụ:** Chiếc xe máy có giá khoảng 40 triệu đồng.  Chiếc ti vi có giá khoảng 25 triệu đồng.  Chiếc điện thoại di động có giá khoảng 15 triệu đồng.  Cái bảng con có giá khoảng 15 000 đồng  Hộp phấn có giá khoảng 5 000 đồng  Quyển vở ô ly 80 trang có giá khoảng  10 000 đồng,....  - HS nghe. |

**IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY:**

\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_

Tiết 2: HOẠT ĐỘNG TRẢI NGHIỆM

**HĐGD THEO CHỦ ĐỀ: DỰ ÁN HÀNH LANG XANH**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT**

**1. Năng lực đặc thù**

- Thực hiện được việc trang trí hành lang lớp học bằng chậu cây làm từ chai nhựa tái chế.

- Xây dựng được góc Nghệ thuật thiên nhiên đặt ở hành lang lớp học.

- Tích cực tham gia dự án Hành lang xanh bằng những việc làm cụ thể.

**2. Phẩm chất:**

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC**

Giấy, bút, bút màu, kéo, băng dính, …

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV** | **HOẠT ĐỘNG CỦA HS** |
| **1.Khởi động:**  - GV mở cho học sinh nghe một video Mô hình trường học xanh:  [Nhân rộng mô hình trường học xanh | VTV24 - YouTube](https://www.youtube.com/watch?v=tMv6UJTlyE0)  - GV đặt câu hỏi: Video đã gửi tới các em thông điệp gì?  - GV mời 2 – 3 HS trả lời câu hỏi.  - GV nhận xét, chốt đáp án: Video đã khơi nguồn cảm hứng và gợi mở trong các em những ý tưởng để thực hiện hóa dự án Hành lang xanh ngay tại trường.  - GV tổng kết và dẫn dắt vào bài học: Video đã mở đầu cho bài học **Tuần 4 – Tiết 2: Hoạt động giáo dục theo chủ đề: Dự án hành lang xanh.**  **2.Ht kiến thức:**  **Hoạt động 3: Trang trí hành lang lớp học.**  **Cách tiến hành:**  - GV chia lớp thành các nhóm.  - GV nêu nhiệm vụ hoạt động:  + Các nhóm thảo luận đề xuất ý tưởng trang trí hành lang lớp học bằng chậu cây làm từ chai nhựa tái chế bằng chính những chậu cây HS đã sáng tạo trong tiết Hoạt động giáo dục theo chủ đề tuần trước.  + GV khuyến khích các ý tưởng trang trí hành lang sáng tạo, độc đáo.  - GV mời 1 -2 nhóm trình bày ý tưởng và thống nhất ý tưởng trang trí.  - GV mời các HS khác nhận xét, đánh giá ý tưởng của nhóm bạn.  - GV hướng dẫn HS thực hiện trang trí hành lang lớp học .  - GV nhắc nhở HS lưu ý đảm bảo an toàn trong quá trình thực hiện.    - GV kết luận**: Hành lang lớp học của chúng ta đã thay đổi diện mạo, như được khoác một chiếc áo mới sau khi các em trang trí bằng chậu cây làm từ chai nhựa tái chế. Mỗi chậu cây mang một màu sắc riêng, đều góp phần tô điểm cho hành lang lớp học thêm đẹp.**  **Hoạt động 4: Xây dựng góc Nghệ thuật thiên nhiên.**  - GV hướng dẫn HS làm việc nhóm.  - GV tổ chức cho các nhóm thảo luận về góc Nghệ thuật thiên nhiên đặt ở hành lang lớp học theo các nội dung sau:  + Ý tưởng thiết kế và sử dụng góc Nghệ thuật thiên nhiên.  + Các sản phẩm sẽ làm trang trí góc Nghệ thuật thiên nhiên: lá cây, cành khô,...  - GV hướng dẫn các nhóm thảo luận, trao đổi về kết quả thảo luận của nhóm.  - GV tổ chức cho HS tiến hành sáng tạo các tác phẩm để trang trí góc Nghệ thuật thiên nhiên.  - GV mời 1 số nhóm trình bày tác phẩm của nhóm trước lớp.  - GV mời 2 – 3 HS nhận xét về tác phẩm của các nhóm.  - GV mời một số HS chia sẻ cảm xúc khi sáng tạo được các tác phẩm để trang trí góc Nghệ thuật thiên nhiên đặt ở hành lang lớp.    - GV nhận xét và kết luận: **Góc Nghệ thuật thiên nhiên là nơi các em có thể trưng bày các tác phẩm sáng tạo từ lá cây, cành khô,...Các em hãy sáng tạo nhật nhiều tác phẩm để cùng trang trí góc Nghệ thuật thiên nhiên của lớp mình thật đẹp nhé!**  **Hoạt động 5: Hoạt động nối tiếp.**  - GV nhắc nhở HS tiếp tục phân công chăm sóc các chậu cây ở hành lang lớp học và sáng tạo những tác phẩm để trang trí góc Nghệ thuật thiên nhiên.  - GV nhận xét, tóm tắt lại những nội dung chính của bài học. | - HS quan sát video và lắng nghe ca chia sẻ của các HS và GV.  - HS lắng nghe câu hỏi.  - HS trả lời câu hỏi.  - HS lắng nghe và tiếp thu.  - HS lắng nghe GV giới thiệu bài học.  - HS về các nhóm theo hướng dẫn.  - HS lắng nghe và thực hiện.  - HS trình bày ý tưởng trước lớp.  - HS nhận xét ý tưởng nhóm bạn.  - HS thực hiện trang trí hành lang lớp học.  - HS lắng nghe và giữ an toàn trong quá trình thực hiện.  - HS lắng nghe, tiếp thu.  - HS về nhóm theo phân công.  - HS lắng nghe, thực hiện.  - HS trao đổi về kết quả thảo luận.  - HS tiến hành thực hiện tác phẩm.  - HS trình bày về tác phẩm của nhóm trước lớp.  - HS nhận xét, đánh giá tác phẩm của bạn.  - HS chia sẻ cảm xúc khi sáng tạo được các tác phẩm.  - HS lắng nghe, tiếp thu. . |

**IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY:**

**------------------------------------------------**

Tiết 3: TIẾNG VIỆT

**BÀI ĐỌC 4: BÀI VĂN TẢ CẢNH (1 tiết)**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:**

**1. Phát triển năng lực ngôn ngữ:**

- Đọc thành tiếng trôi chảy toàn bài. Phát âm đúng từ HS dễ viết sai. Ngắt nghỉ hơi đúng ngữ pháp và ngữ nghĩa. Tốc độ đọc 75 – 80 tiếng/ phút. Thể hiện được giọng đọc diễn cảm phù hợp với nội dung bài và lời thoại của các nhân vật trong bài. Đọc thầm nhanh hơn lớp 3.

- Hiểu nghĩa các từ ngữ trong bài. Hiểu nội dung, ý nghĩa của bài: kể về một cô bé đạt điểm cao ở bài văn tả cảnh nhờ chăm chỉ, chịu khó quan sát để miêu tả đúng sự việc theo yêu cầu của bài tập làm văn.

**2. Phát triển năng lực văn học:**

- Bày tỏ được cảm xúc trước những tình tiết thú vị của câu chuyện và sự dễ thương của nhân vật.

**2. Phẩm chất:**

- Phát triển năng lực (NL) giao tiếp và hợp tác (biết cùng các bạn thảo luận nhóm); NL tự chủ và tự học (trả lời đúng các câu hỏi đọc hiểu).

- Bồi dưỡng phẩm chất (PC) nhân ái (yêu nước, yêu thiên nhiên), chăm chỉ, trách nhiệm (kiên trì, quyết tâm trong công việc).

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC:**

- GV chuẩn bị: Ti vi, máy tính, tranh minh hoạ bài đọc trong SGK.

- HS chuẩn bị: SGK Tiếng Việt 4, tập một, Vở bài tập Tiếng Việt 4, tập một.

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY VÀ HỌC:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GIÁO VIÊN** | **HOẠT ĐỘNG CỦA HỌC SINH** |
| **1.Khởi động: (5 phút)**  - GV cho HS ôn lại Bài đọc 3: Cô giáo nhỏ  + Cô giáo đã chứng kiến việc gì lúc đến nhà Giên?  + Việc làm của Giên đáng khen như thế nào?  - GV nhận xét giọng đọc và câu trả lời của học sinh.  **2.HT kiến thức: (22 phút)**  **Hoạt động 1: Đọc thành tiếng**  - GV đọc mẫu cho HS bài Bài văn tả cảnh  - GV cùng HS giải nghĩa một số từ ngữ khó:  + Phụ lão: người già  + Vải thiều: loại vải có quả ngon, hạt nhỏ  + Vồ: dụng cụ bằng gỗ trắc, nặng, có cán dùng để đập, nện, làm nhỏ đất  + Bạch đàn (khuynh diệp): loại cây to, thân thẳng, lá có tinh dầu để làm thuốc.  - Bài đọc có thể chia làm mấy đoạn?  - GV tổ chức và hướng dẫn cho HS luyện đọc: Đọc nối tiếp đoạn.  + GV gọi 3 HS bất kì đọc bài, từng em đứng lên đọc tiếp nối đến hết bài.  + GV sửa lỗi phát âm, uốn nắn tư thế đọc cho HS.  🡪GDHS: đọc đúng từ ngữ, ngắt nghỉ hơi phù hợp.  - GV tổ chức HS đọc nối tiếp 3 đoạn theo nhóm.  - GV mời đại diện nhóm đọc (ít nhất là 2 nhóm), sau đó cho các HS khác nhận xét.  - GV nhấn mạnh vào những từ ngữ khó đọc: ủn ỉn, rối rít, vun xới, ồn ã,…    **Hoạt động 2: Tìm hiểu bài**  - GV mời 5 HS tiếp nối nhau đọc to, rõ ràng 5 câu hỏi:  + Vì sao mấy hôm trước Bé đi học sớm?  [+ Bài tập làm văn của Bé viết về nội dung gì?](https://toploigiai.vn/doc-ba-nang-cong-chua-tieng-viet-4-canh-dieu-tap-1#2)  [+ Bé đã làm những việc gì để viết bài tập làm văn đó thật hay?](https://toploigiai.vn/doc-ba-nang-cong-chua-tieng-viet-4-canh-dieu-tap-1#3)  [+ Ông đã khen Bé như thế nào?](https://toploigiai.vn/doc-ba-nang-cong-chua-tieng-viet-4-canh-dieu-tap-1#4)  [+ Tìm một số hình ảnh trong bài tập làm văn để hiểu vì sao ông khen Bé như vậy?](https://toploigiai.vn/doc-ba-nang-cong-chua-tieng-viet-4-canh-dieu-tap-1#4)  - GV giao nhiệm vụ cho HS đọc thầm bài đọc, thảo luận nhóm 5 theo các câu hỏi tìm hiểu bài. Tổ chức cho HS hoạt động theo kĩ thuật mảnh ghép  Câu 1: Vì sao mấy hôm trước Bé đi học sớm?   Câu 2: Bài tập làm văn của Bé viết về nội dung gì?   Câu 3: Bé đã làm những việc gì để viết bài tập làm văn đó thật hay?  Câu 4: Ông đã khen Bé như thế nào?  Câu 5: Tìm một số hình ảnh trong bài tập làm văn để hiểu vì sao ông khen Bé như vậy?    - Mời HS trình bày, báo cáo kết quả  - GV nhận xét, đánh giá, khen ngợi và động viên HS các nhóm.  - GV yêu cầu HS trả lời câu hỏi: Qua bài đọc, em hiểu nội dung bài nói về điều gì?  - GV nhận xét, chốt lại  **3.Vận dụng: (6 phút)**  **Hoạt động: Đọc diễn cảm đoạn 1,2**  - GV hướng dẫn HS đọc diễn cảm đoạn 1, 2 với giọng đọc nhẹ nhàng, truyền cảm thể hiện lời thoại của nhân vật.  - Tổ chức cho HS luyện đọc theo nhóm  - Tổ chức cho HS thi đọc diễn cảm.  - GV nhận xét HS đọc bài, tuyên dương, khích lệ HS.  - GV nhận xét tiết học, khen ngợi, biểu dương những HS tốt. | - HS đọc bài và trả lời câu hỏi.  + Nhận xét câu trả lời của bạn.     - HS lắng nghe.         - HS lắng nghe GV đọc mẫu, đọc thầm theo.  - HS cùng GV giải nghĩa từ khó.          - HS trả lời: chia làm 3 đoạn  + Đoạn 1: Từ đầu đến ….. Rồi cháu viết, cháu lại viết lại, cháu..  + Đoạn 2: Tiếp đến ….. bắt đầu  + Đoạn 3: Phần còn lại.  - HS luyện đọc theo hướng dẫn.    - HS đọc nối tiếp bài đọc trước lớp. HS lớp lắng nghe.  - HS đọc bài theo nhóm.  - HS đại diện nhóm đọc bài trước lớp, các HS khác lắng nghe và nhận xét.  - HS phân biệt các âm, vần, thanh dễ lẫn, sửa phát âm sai (nếu có)  - HS đọc tiếp nối câu hỏi; các HS khác lắng nghe, đọc thầm theo.  - HS thực hiện nhiệm vụ học tập theo nhóm 5  + HS đại diện nhóm trả lời các câu hỏi, nhóm khác nhận xét, bổ sung.  + Bé phải ra đầu làng để quan sát, chuẩn bị cho bài tập làm văn tả cảnh  + Bài tập làm văn của Bé tả cảnh đi làm đồng vào buổi sáng Chủ Nhật.  + Bé ra đầu làng để quan sát, viết rồi sửa,viết đi viết lại nhiều lần.  + HS tự nêu:  Ông khen Bé: “Cháu giỏi quá! Viết như hệt!”- Tức là Bé tả cảnh đi làm đồng buổi sáng rất thực, quan sát rất đúng.  + Hs có thể nêu các hình ảnh sau:  - Quang cảnh buổi sáng: gà te te gáy, con lợn ủn ỉn đòi ăn, trên mái nhà, khói bếp lan nhẹ nhàng.  - Quang cảnh ở đầu làng: các cụ phụ lão trồng vải thiều dưới bãi; các anh chị vác cuốc, vác vồ lũ lượt đi;…  - Quang cảnh con đường: từ con đường bạch đàn thẳng tắp, từng đoàn người đã kéo xuống đồng, tiếng nói chuyện cười đùa ồn ã, át cả cái rét buốt.  - Đại diện nhóm trình bày  - HS lắng nghe.  - 1-2 HS trả lời: Kể về cô Bé đạt điểm cao ở bài văn tả cảnh nhờ chăm chỉ, chịu khó quan sát để miêu tả đúng sự việc theo yêu cầu bài tập làm văn.  - HS lắng nghe.  - HS luyện đọc theo nhóm đôi  - HS thi cá nhân, lớp lắng nghe, chia sẻ  - HS lắng nghe.   - HS trình bày suy nghĩ của mình trước lớp. Lớp lắng nghe, chia sẻ  - HS lắng nghe, tiếp thu.  - HS lắng nghe. |

**IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY:**

**\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_**

## Thứ năm, ngày 28 tháng 9 năm 2023

## Tiết 1: TOÁN

## SỐ TỰ NHIÊN, DÃY SỐ TỰ NHIÊN

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT**

**1.Kiến thức, kĩ năng:**

- Ôn tập củng cố, khái quát hóa một số kiến thức về số tự nhiên và dãy số tự nhiên.

- Làm quen với yếu tố lịch sử Toán thông qua kiến thức về lịch sử phát sinh, phát triển khái niệm số tự nhiên. Vận dụng được các kiến thức về số tự nhiên và dãy số tự nhiên vào thực tế cuộc sống.

**2. Năng lực:**

- Năng lực tư duy và lập luận toán học, năng lực giải quyết các vấn đề Toán học: Thông qua ôn tập, khái quát hoá một số kiến thức về số tự nhiên và dãy số tự nhiên.

**3. Phẩm chất.**

- Hình thành sự chăm chỉ, ý thức trách nhiệm đối với bản thân và tập thể. Ham thích và niềm tin khi học Toán. Yêu thích học Toán.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC:**

- GV: Tranh khởi động; SGK Toán 1; Tivi LCD.

- HS: SGK, VBT Toán tập 1, bộ đồ dùng học Toán 4.

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY - HỌC CHỦ YẾU:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** |
| **1. Hoạt động mở đầu**  - Ổn định tổ chức: Cho HS hát “ Bé học phép trừ”.  - Khởi động: Chơi trò chơi “Ai là triệu phú”.  Câu 1: Cho số 576123. Làm tròn số này đến hàng chục nghìn ta được số:  **A**. 576000; **B**. 570000  **C**. 580000; **D**. 600000  Câu 2: Có 21 292 người ở lễ hội ẩm thực. Hỏi lễ hội có khoảng bao nhiêu nghìn người?  **A**. 22 000 người; **B**. 21 000 người  **C**. 21 900 người; **D**. 21 200 người  Câu 3: Trong số 436 731 các số thuộc lớp nghìn gồm những số:   1. 7, 3, 1 2. 4, 3, 6 3. 4, 3, 7   Câu 4: Trong số 280 436 731 các chữ số thuộc lớp triệu gồm những chữ số:   1. 2, 8, 4 2. 2, 8, 0 3. 2, 4, 0   Câu 5: Cho các số: 0, 9, 3, 1, 5, 2, 4, 8, 7; 6 Xếp các số theo thứ tự tăng dần:   1. 0,1,3,2,4,5,6,7,8,9 2. 0,1,2,3,9,5,6,7,8,4 3. 0,1,2,3,4,5,6,7,8,9   + Em hãy kể một vài số đã học?  + Số 123 456 123 được tạo bởi mấy chữ số? Đó là các số nào?  \* GV nêu và giới thiệu: Các chữ số 1, 2, 3, 4, 5, 6. Là các kí hiệu toán học dùng để biểu diễn các số. Người Babylon phát triển một hệ đếm cơ bản với các số từ 1 đến 10. Thời Ai cập cổ đại cổ người dùng hình vẽ để biểu diễn số.  - Quan sát tranh và thảo luận.    - Để biểu diễn số 1 000 000 người Ai Cập cổ đã dùng những hình vẽ gì để biểu diễn các số?  - Số 321 431 được biểu diễn bởi các kí hiệu nào?  - **Kết nối**: Để biểu diễn số 1 000 000 người Ai Cập cổ đã vẽ một người đàn ông với dáng vẻ kinh ngạc. Ngày nay, để biểu diễn số người ta dùng các chữ số Ả rập. Vậy số tự nhiên xuất hiện nhằm mục đích gì? Thành tựu lớn nhất của số tự nhiên là gì? Đó là chính là việc trừu tượng hóa, dùng các chữ số để chỉ số lượng. Từ đây hình thành hệ thống để đếm được số lượng lớn, vậy số tự nhiên là gì, dãy số tự nhiên là gì ta học bài hôm nay.  - **Ghi bảng**: Số tự nhiên, dãy số tự nhiên  **\* GV chốt chuyển** | - TBVN điều hành lớp hát, vận động tại chỗ.  - HS chơi trò chơi.  - Đáp án đúng: **C**. 580000  Số 576123 có chữ số hàng nghìn là  6 > 5 nên làm tròn số này đến hàng chục nghìn ta được 576123 ≈ 580000.  - Đáp án đúng: **B**. 21000 người  Từ yêu cầu đề bài ta sẽ làm tròn số 21292 đến hàng nghìn.  Vì số 21292 có chữ số hàng trăm là  2 < 5 nên làm tròn số này đến hàng nghìn ta được 21292 ≈ 21000.  - Đáp án đúng: **B**. 4, 3, 6  - Đáp án đúng: **A**. 2, 8, 0  - Đáp án đúng: **C:** 0,1,2,3,4,5,6,7,8,9  - Các số: 0; 1; 2; 3; ... ; 9; 10; ... ; 100; ... ; 1000; ...  - Số 123 456 123 được tạo bởi 6 con số có thứ tự từ 1 đến 6. Đó là các số: 1, 2,  3, 4, 5, 6.  - HS quan sát tranh và thảo luận nhóm.      - HS nghe.  - HS nhắc nối tiếp và ghi đầu bài vào vở. |
| **2.HT kiến thức:**  a. Số tự nhiên có từ bao giờ?  - GV yêu cầu HS đọc, và thảo luận nhóm 2 trả lời các câu hỏi sau:  - Số tự nhiên có từ bao giờ?  b. Số tự nhiên là những số nào?  c. Thế nào là dãy số tự nhiên?  - Để có hình ảnh về dãy số tự nhiên ta có thể biểu diễn các số tự nhiên ở đâu?  \* Số 0 ứng với điêm gốc của tia số, mỗi số tự nhiên ứng với một điểm trên tia số. Tia số có thể kéo dài mãi mãi.  d. Dãy số tự nhiên có những đặc điểm gì?  \* **GV kết luận**: Số tự nhiên dùng để biểu thị phép đếm. Các sô tự nhiên sắp xếp theo thứ tự từ bé đến lớn tạo thành dãy số tự nhiên; Dãy số tự nhiên có đặc điểm là: Thêm 1 vào bất cứ số nào cũng được số tự nhiên liền sau đó; Hai số tự nhiên liên tiếp thì hơn kém nhau là 1 đơn vị; Không có số tự nhiên lớn nhất và dãy số tự nhiên có thể kéo dài mãi. Số 0 là số tự nhiên bé nhất.  **Ví dụ 1:** Tìm số liền trước, liền sau của các số dưới đây: 56 372 5729 466  **Ví dụ 2:** Điền số thích hợp vào chỗ chấm: 162, ...., 164 ...., 472, 473 856, 857, .... | **-** HS đọc, và thảo luận nhóm 2 trả lời các câu hỏi.  a.Số tự nhiên có từ thời cổ xưa.  b. Phát sinh từ việc đếm các đồ vật, con người, vật nuôi, hoa quả,... đây là kết quả của các phép đếm là các số một, hai, ba,... Ngày nay gọi Các số: 0; 1; 2; 3; 4; 5; 6; 7; 8; 9; 10; ...; 100; ... ; 1000; ... là các số tự nhiên.  c. Các số tự nhiên sắp xếp theo thứ tự từ bé đến lớn tạo thành dãy số tự nhiên.  0; 1; 2; 3; 4; 5;6; 7;8;9; 10;.....  - Có thể biểu diễn dãy số tự nhiên trên tia số:    d. Dãy số tự nhiên có những đặc điểm  + Thêm 1 vào bất cứ số nào cũng được số tự nhiên liền sau đó. Vì vậy, không có số tự nhiên lớn nhất và dãy số tự nhiên có thể kéo dài mãi.  + Chẳng hạn, số 1 000 000 thêm 1 được  số tự nhiên liền sau là 1 000 001, số 1 000 001 thêm 1 được một số tự nhiên liền sau là 1 000 002, ...  + Bớt 1 ở bất kỳ số nào (khác số 0) cũng được số tự nhiên liền trước số đó.  + Chẳng hạn, bớt 1 ở số 1 được số tự nhiên liền trước số 0. Không có số tự nhiên nào liền trước số 0 nên số 0 là số tự nhiên bé nhất.  + Trong dãy số tự nhiên, hai số liên tiếp thì hơn hoặc kém nhau 1 đơn vị.  **Ví dụ 1:**  - Số liền trước của 56 là 55. Số liền sau của 56 là 57.  + Số liền trước của 372 là 371. Số liền sau của 372 là 373.  + Số liền trước của 5729 là 5728. Số liền sau của 5729 là 5730.  + Số liền trước của 466 là 465. Số liền sau của 466 là 467.  **Ví dụ 2:**  - Trong dãy số 162, ...., 164, ta cần điền thêm số 163 để được ba số tự nhiên liên tiếp.  - Trong dãy số ...., 472, 473, ta cần điền  thêm số 471 để được ba số tự nhiên liên tiếp.  - Trong dãy số 856, 857, ...., ta cần điền  thêm số 858 để được ba số tự nhiên liên tiếp. |
| **3.Luyện tập-Thực hành:**  **Bài 1: cá nhân**  - GV gọi HS đọc yêu cầu  - Bài yêu cầu làm gì?  - YC HS thực hiện theo cá nhân.  - YC học sinh làm vở bài tập.  - GV nhận xét, chữa bài.  **\* GV chốt, chuyển**  **Bài 2:** **cá nhân**  - Đọc yêu cầu bài.  - Gọi Hs đọc câu hỏi:  Ba bạn An, Bình và Cường đang tranh luận xem đâu là dãy số tự nhiên. Theo em, bạn nào đúng?  - Gv nhận xét, chữa bài, khen HS.  - Nhận xét tiết học  - Chuẩn bị bài học sau:Viết số tự nhiên trong hệ thập phân | - HS đọc yêu cầu.  - Chọn đáp án đúng.  Ba số tự nhiên liên tiếp là:  **A**. 100, 101, 103.  **B**. 199, 200, 201.  **C**. 210, 220, 230.  **D**. 896, 898, 900.  - HS làm vở bài tập.  Lời giải:  Đáp án đúng là: **B**  Ba số tự nhiên liên tiếp là:  199, 200, 201.  **Bài 2:** **cá nhân**  - HS đọc yêu cầu và câu hỏi:    - Bạn Cường đúng.  **Chú ý:** Số 0 là số tự nhiên bé nhất. Không có số tự nhiên lớn nhất và dãy số tự nhiên có thể kéo dài mãi.  - Dãy số của bạn An kết thúc ở số 100 nên sai.  - Dãy số của bạn Bình bắt đầu từ 1 nên sai.  - Lắng nghe |

**IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY:**

**------------------------------------------------**

Tiết 3: TIẾNG VIỆT

**LUYỆN TẬP VỀ DANH TỪ (1 tiết)**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:**

**1. Phát triển năng lực ngôn ngữ:**

- Sắp xếp được danh từ thành các nhóm.

- Phân biệt được các danh từ riêng chỉ tên người, tên địa lí

**2. Phát triển năng lực văn học:**

- Viết được đoạn văn về một người chăm chỉ học tập hoặc ham thích lao động; chỉ ra được các danh từ chung, danh từ riêng trong đoạn văn đã viết.

**3.Phẩm chất:**

- Bồi dưỡng phẩm chất chăm chỉ, trách nhiệm thông qua hoạt động học tập và hợp tác với bạn bè

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC:**

- GV chuẩn bị: Tivi, máy tính, tranh minh hoạ bài đọc trong SGK.

- HS chuẩn bị: SGK Tiếng Việt 4, tập một, Vở bài tập Tiếng Việt 4, tập một.

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY VÀ HỌC**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** |
| **1. Khởi động**  - GV cho học sinh chơi trò chơi (do mình tự chọn)  - Giới thiệu bài: Ở bài trước, chúng ta đã biết phân biệt danh từ chung và danh từ riêng. Hôm nay, chúng ta tiếp tục ôn luyện về danh từ, phân biệt danh từ riêng dùng để viết tên người và tên địa lí Việt Nam. | **-** Chơi trò chơi theo sự điều khiển củaquản trò.  - Nghe và cảm nhận |
| **2.HT kiến thức:**  **\* Hoạt động 1: Tìm và sắp xếp các danh từ chung vào nhóm thích hợp (BT1)**  **Bài 1:** Tìm và sắp xếp các danh từ chung vào nhóm thích hợp  luyen-tu-va-cau-luyen-tap-ve-danh-tu  GV mời  - GV giao nhiệm vụ cho HS thảo luận  - GV mời một vài HS trả lời các câu hỏi trước lớp.  - GV nhận xét, sửa lỗi (nếu có), giúp HS nêu đáp án đúng.  **Hoạt động 2: Xếp danh từ riêng vào trong các nhóm thích hợp:**  - GV mời một vài HS trả lời các CH trước lớp.  - GV nhận xét, sửa lỗi (nếu có) và nêu đáp án đúng:  + Tên người: Nguyễn Hiền  + Tên địa lí: Dương A, Nam Thắng, Nam Trực, Nam Định  (GV có thể hỏi thêm: Khi viết danh từ chỉ tên riêng người, hay địa lí Việt Nam, cần chú ý điều gì?)  **Hoạt động 3: Viết đoạn văn** (BT3)  Bài 3: Viết một đoạn văn ngắn từ 4-5 câu về một người chăm chỉ học tập hoặc ham thích lao động (Có sử dụng danh từ chung và danh từ riêng)- GV giao nhiệm vụ cho viết đoạn văn vào vở  -Trình bày đoạn văn đã viết trước lớp.  - GV nhận xét, sửa lỗi (nếu có), giúp HS hoàn chỉnh đoạn văn. | -1 HS đọc BT1; cả lớp đọc thầm.  N2  - Đại diện các nhóm trình bày.  - Các HS khác nhận xét, góp ý.  - Đọc yêu cầu  - N2+ VBT  -1-2 HS đọc.  - Các HS khác nhận xét, góp ý.  - Nghe, cảm nhận  -Nối tiếp đọc lại đáp án  - 1-2 HS trả lời  -1 HS đọc ,cả lớp đọc thầm theo.  -Làm bài các nhân vào vở  2-4 HS đọc. Các HS khác nhận xét, góp ý. |
| **3. Vận dụng.**  - GV tổ chức vận dụng để củng cố kiến thức và vận dụng bài học vào thực tiễn cho học sinh.  + Cho HS nói 2-3 câu giới thiệu bản thân mình trước lớp.  - Nhận xét, tuyên dương  - Nhận xét tiết học, dặt dò bài về nhà. | - HS nói trước lớp  - Lắng nghe, rút kinh nghiệm. |

**IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY:**

**\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_**

**Buổi chiều:**

Tiết 1: GIÁO DỤC KNS

**BÀI 1: ĐI XE ĐẠP ĐÚNG LÀN ĐƯỜNG,**

**PHẦN ĐƯỜNG QUY ĐỊNH**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:**

**1. Kiến thức kĩ năng**

- HS biết khi đi xe đạp phải đi đúng làn đường quy định để đảm bảo an toàn.

- HS hiểu khi rẽ trái, rẽ phải hay dừng nên quan sát, ra hiệu, không nên tự ý rẽ mà không quan sát, hay bỏ qua hiệu lệnh.

- HS nhận biết việc nên làm và không nên làm khi đi xe đạp.

**2. Năng lực**

Trách nhiệm: nhắc nhở bạn bè đi đúng làn đường, phần đường khi tham gia giao thông.

**3. Phẩm chất**

- Có ý thức tuân thủ Luật giao thông; biết nhắc nhở bạn bè đi đúng làn đường, phần đường khi tham gia giao thông.

**II. ĐỒ DÙNG:**

- Thẻ màu xanh – đỏ (thể hiện quy ước trong thảo luận nhóm), tranh minh họa (nếu có)

**III. HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC.**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động GV** | **Hoạt động HS** |
| 1. **Khởi động** 2. **Khám phá.**   **-** Giới thiệu bài mới.  - Hoạt động nhóm 4, đọc mẩu truyện trong sách thảo luận trả lời các câu hỏi phía dưới.  + Theo các em, khi đi xe đạp em phải đi như thế nào?  + Nếu đường không có làn đường dành cho xe đạp, em sẽ đi như thế nào?  - GV chốt: khi đi xe đạp phải đi đúng làn đường quy định để đảm bảo an toàn  **3.Thực hành.**  - GV theo dõi, nhắc nhở,  - GV giúp đỡ nhóm gặp khó khăn khi giải đáp thắc mắc.  - GV chốt: Hình 1, hình 2 và hình 4 là thể hiện hành động đúng.  + Hình 3, hình 5 và hình 6 là thể hiện hành động chưa đúng.  - Vậy, khi đi xe đạp em muốn rẽ hoặc dừng lại em sẽ làm gì?  - Nhận xét, chốt: khi rẽ trái, rẽ phải hay dừng nên quan sát, ra hiệu, không nên tự ý rẽ mà không quan sát, hay bỏ qua hiệu lệnh.  **4. Vận dụng.**  - Thảo luận thực hiện các yêu cầu trong hoạt động vận dụng.  - GV nhận xét.  - GV dặn dò HS: Khi đi xe đạp phải đi đúng làn đường quy định để đảm bảo an toàn cho mình và cho người khác.  + Khi rẽ trái, rẽ phải hay dừng nên quan sát, ra hiệu, không nên tự ý rẽ mà không quan sát, hay bỏ qua hiệu lệnh. | - Lớp nghe bài hát: “Bài học giao thông”  - HS theo dõi, ghi mục bài.  - HS làm việc dưới sự hướng dẫn của nhóm trưởng.  - Các nhóm chia sẻ.  - Nhận xét.  - HS trả lời: khi đi xe đạp phải đi đúng làn đường quy định  - Đi vào mép đường bên phải.  - HS nhắc lại ghi nhớ.  - HS thực hiện yêu cầu dưới sự điều hành của nhóm trưởng.  - Các nhóm chia sẻ kết quả thảo luận.  - Các nhóm thắc mắc – giải đáp thắc mắc.  - Nhận xét.  - HS trả lời nối tiếp.  - HS lắng nghe, nhắc lại.  - Làm việc theo sự hướng dẫn của nhóm trưởng.  - Các nhóm trình bày, chia sẻ.  - Nhận xét.  - HS hệ thống bài.  - HS lắng nghe. |

**------------------------------------------------**

Tiết 2: LỊCH SỬ VÀ ĐỊA LÍ

**Bài 11: THIÊN NHIÊN VÙNG DUYÊN HẢI MIỀN TRUNG (T1)**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:**

**1. Năng lực đặc thù:**

- Nhận thức về lịch sử đị lí: Xác định được trên bản đồ hoặc lược đồ vị trí địa lí, một số địa danh tiêu biểu (dãy núi Trường Sơn, đèo Hải Vân,…) của vùng Duyên hải miền Trung.

- Tìm hiểu môi trường xung qunh: Quan sát lược đồ hoặc bản đồ, tranh ảnh, trình bày được một trong những đặc điểm thiên nhiên (địa hình, khí hậu, sông ngòi,…) của vùng Duyên hải miền Trung.

- Vận dụng kiến thức kĩ năng đã học: Rèn luyện kĩ năng quan sát và sử dụng bản đồ, lược đồ, các tư liệu có liên quan, qua đó góp phần phát triển năng lực khoa học.

**2. Phẩm chất.**

- Phẩm chất nhân ái: Thể hiện được thái độ cảm thông và sẵn sàng có hành động chia sẻ với người dân gặp thiên tai.

- Phẩm chất chăm chỉ: Có tinh thần chăm chỉ, ham học hỏi trong tìm hiểu về vùng Duyên hải miền Trung.

- Phẩm chất yêu nước, trách nhiệm: Yêu thiên nhiên và có những việc làm thiết thực bảo vệ thiên nhiên.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC**

- Kế hoạch bài dạy, bài giảng Power point.

- SGK và các thiết bị, học liệu phục vụ cho tiết dạy.

**III. HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** |
| - GV yêu cầu HS quan sát hình ảnh và trả lời câu hỏi  1  - Đây là cảnh thiên nhiên nào của vùng Duyên hải miền Trung?  - Đúng rồi, bãi biển Nha Trang thuộc tỉnh Khánh Hoà. Ngoài ra các em còn biết những cảnh thiên nhiên hoặc địa danh nào ở vùng Duyên hải miền Trung?  + Để giúp các em hiểu thêm về con người và đặc điểm thiên nhiên nơi đây, cô trò chúng ta cùng tìm hiểu **“Bài 11: Thiên nhiên vùng Duyên hải miền Trung (T1)”** | - HS quan sát tranh và trả lời câu hỏi  + Bãi biển Nha Trang  + Vườn quốc gia Bạch Mã, núi Chúa, phố cổ Hội An,...  - HS lắng nghe. |
| **2. Khám phá***:* |  |
| **Hoạt động 1: Vị trí địa lí (làm việc chung cả lớp)**  - GV giới thiệu lược đồ hình 1.  2  - GV mời HS làm việc chung cả lớp, thực hiện nhiệm vụ sau:  + Quan sát hình 1, đọc thông tin và hoàn thành nhiệm vụ học tập:  . Chỉ ranh giới của vùng Duyên hải miền Trung trên lược đồ. Duyên hải miền Trung tiếp giáp với vùng nào, quốc gia nào và biển gì?  . Xác định vị trí của quần đảo Hoàng Sa, quần đảo Trường Sa. Hai quần đảo đó thuộc tỉnh, thành phố nào của nước ta?  - GV nhận xét, tuyên dương.  *- GV* mở rộng*: Vùng Duyên hải miền Trung là dải đất hẹp ngang, kéo dài từ Thanh Hóa đến Bình Thuận. Tất cả các tỉnh, thành phố của vùng đều giáp biển.* Duyên hải miền Trungcó *vị trí là cầu nối giữa các vùng lãnh thổ phía bắc và phía nam của nước ta. Ngoài phần lãnh thổ đất liền, vùng có phần biển rộng lớn với nhiều đảo, quần đảo trong đó có quần đảo Hoàng Sa và quần đảo Trường Sa, có vai trò quan trọng trong việc bảo vệ và khẳng định chủ quyền lãnh thổ trên biển của nước ta.*  **Hoạt động 2: Đặc điểm thiên nhiên**  **(Sinh hoạt nhóm 6)**  - GV chia lớp thành 6 nhóm, tổ chức cho học sinh làm việc theo nhóm trả lời các câu hỏi sau:  - Nhóm 1,2:  + Xác định trên lược đồ dãy Trường Sơn, Bạch Mã, đèo Hải Vân, một số đồng bằng và vườn quốc gia Phong Nha – Kẻ Bàng.  + Trình bày đặc điểm địa hình của vùng Duyên hải miền Trung.  - Nhóm 3,4:  + Trình bày đặc điểm khí hậu ở vùng Duyên hải miền Trung.  + Tại sao có sự khác biệt về khí hậu giữa phần phía bắc và phía nam dãy Bạch Mã.  - Nhóm 5,6:  + Kể tên một số sông ở vùng Duyên hải miền Trung.  + Trình bày đặc điểm sông ngòi của vùng Duyên hải miền Trung.  - GV gọi các nhóm lên trình bày kết quả.  - GV nhận xét phần làm việc của các nhóm và tổng kết. | - HS quan sát lược đồ.  - HS làm việc chung cả lớp. Cùng đọc thông tin và trả lời các câu hỏi dưới đây:  + Duyên hải miền Trung nằm ở giữa lãnh thổ nước ta, hẹp ngang, phía Bắc giáp vùng Trung du và miền núi Bắc Bộ, đồng bằng sông Hồng; phía Nam giáp vùng Nam Bộ; phía Tây giáp vùng Tây Nguyên và nước Lào; phía Đông giáp biển Đông.  + Quần đảo Hoàng Sa thuộc thành phố Đà Nẵng, quần đảo Trường Sa thuộc tỉnh Khánh Hoà.  - HS nhận xét, bổ sung  - HS lắng nghe  - HS làm việc nhóm 6, thảo luận và trả lời câu hỏi:  - Nhóm 1,2:  + Duyên hải miền Trung có địa hình đa dạng. Phần phía Tây là dãy Trường Sơn, phía đông là dải đồng bằng nhỏ, hẹp và bị chia cắt bởi các dãy núi đâm ngang về phía biển. Ven biển có nhiều cồn cát, đầm phá,...  - Nhóm 3,4:  + Duyên hải miền Trung khí hậu có tính chất nhiệt đới ẩm gió mùa; mùa mưa và bão tập trung vào thu đông (tháng 9- 11); có sự khác biệt giữa phần phía bắc và phần phía nam dãy Bạch Mã. Phần phía bắc có mùa hạ nóng khô, mùa đông lạnh. Phần phía nam có mùa mưa và mùa khô, không có mùa đông lạnh.  + Vì dãy núi Bạch Mã (nằm giữa Huế và Đà Nẵng) kéo dài ra đến biển tạo thành bức tường chắn gió mùa Đông Bắc thổi đến, làm cho từ phía nam của dãy núi này không có mùa đông lạnh.  - Nhóm 5,6:  +Một số sông ở vùng Duyên hải miền Trung là: sông Mã, sông Chu, sông Cả, sông Gianh, sông Thu Bồn, sông Ba,…  + *Đặc điểm chính của sông ngòi miền Trung: Vùng có nhiều sông, phần lớn là sông ngắn và dốc. Mùa mưa thường có lũ lụt, lũ quét, mùa khô có tình trạng thiếu nước.*  - Đại diện các nhóm trình bày.  - Các nhóm khác nhận xét, bổ sung.  - HS lắng nghe. |
| **3. Vận dụng trải nghiệm.** |  |
| - GV treo lược đồ tự nhiên vùng Duyên hải miền Trung, mời HS tham gia trò chơi “Thử tài hiểu biết”  Lịch Sử và Địa Lí lớp 4 Cánh diều Bài 11: Thiên nhiên vùng Duyên hải miền Trung (ảnh 3)  + Luật chơi: GV nói tên địa danh ở vùng Duyên hải miền Trung, HS lên chỉ trên lược đồ và giới thiệu về địa danh đó.  + GV mời HS tham gia  + Nhận xét, tuyên dương.  - Nhận xét sau tiết dạy, dặn dò về nhà. | -Hs quan sát  - Học sinh lắng nghe luật trò chơi.  + HS tham gia chơi.  - HS lắng nghe, rút kinh nghiệm. |

**IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY**

**------------------------------------------------**

Tiết 3: KHOA HỌC

**BÀI 4: KHÔNG KHÍ XUNG QUANH TA (T2)**

**I.YÊU CẦU CẦN ĐẠT**

**1. Năng lực**

**- Nhận thức khoa học:** Kể được tên thành phần chính của không khí.

**- Tìm hiểu môi trường tự nhiên xung quanh:** Quan sát, làm được thí nghiệm để nhận biết được sự có mặt của không khí; xác định được một số tính chất của không khí.

**- Vận dụng kiến thức, kĩ năng đã học:** Trình bày được ứng dụng tính chất của không khí đối với đời sống.

**2. Phẩm chất**

- Có ý thức bảo vệ môi trường không khí xung quanh.

**II.ĐỒ DÙNG DẠY HỌC**

**1. Thiết bị dùng chung cho cả lớp:** Hình ảnh về biểu đồ thành phần không khí; các hình ảnh minh họa trong sách giáo khoa cho các thí nghiệm về không khí được thực hiện.

**2. Thiết bị dùng để thực hành theo nhóm, cá nhân:** Bộ dụng cụ thí nghiệm cho từng nhóm: hai cốc nước như nhau, các viên nước đá; một chậu nước, một chai rỗng có nắp đậy, một miếng mút xốp; một chiếc bơm tiêm.

**III.HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV** | **Hoạt động của HS** |
| **1.Khởi động:**  - GV cho cả lớp vận động và hát theo bài hát “Lớp chúng mình”.  - GV đặt câu hỏi:  + Trong không khí gồm có những thành phần nào?  + Đâu là thành phần chính của không khí?  - GV dẫn dắt vào bài mới: “Không khí xung quanh ta”.  **2.HT kiến thức:**  **HĐ1: Thực hành thí nghiệm nhận biết không khí có ở khắp nơi**  - GV phổ biến cho HS thực hiện thí nghiệm để nhận biết không khí có ở khắp nơi như sau:  \*Chuẩn bị: Một chậu nước, một chai rỗng có nắp đậy, một miếng mút xốp.  \*Tiến hành:  + Mở nắp, để chai ở bất kì vị trí nào xung quanh em rồi đóng nắp lại. Dự đoán trong chai có chứa gì.  + Nhúng phần miệng chai đã được đậy kín ngập trong nước rồi mở nắp chai, em thấy có gì nổi lên mặt nước. Vậy bên trong chai rỗng đó có chứa gì?  + Hãy đưa ra cách làm để chứng minh bên trong những lỗ nhỏ li ti của miếng mút xốp khô có chứa không khí và thực hiện theo cách làm đó.  - GV chia lớp thành các nhóm 6, phát bộ thí nghiệm cho từng nhóm và yêu cầu các nhóm tiến hành thí nghiệm.  - GV yêu cầu đại diện một số nhóm trình bày kết quả thí nghiệm, các nhóm còn lại nhận xét và bổ sung (nếu có).  - GV đặt câu hỏi: “Qua hai thí nghiệm trên, cho biết không khí có ở đâu?”  - GV yêu cầu HS nêu thêm một số vật có chứa không khí xung quanh em.  - GV nhận xét và bổ sung (nếu có). | - HS vận động và hát theo bài hát.  - HS trả lời.  + Trong không khí gồm có: khí ni–tơ, khí ô–xi, hơi nước, khói, bụi, khí các–bô–níc và các chất khí khác.  + Thành phần chính của không khí là khí ni–tơ và khí ô–xi.  - HS lắng nghe.  - HS lắng nghe.  - HS thực hiện.  - Đại diện một số nhóm trình bày kết quả thí nghiệm, các nhóm còn lại nhận xét và bổ sung (nếu có).  + Dự đoán trong chai có chứa không khí.  + Thấy có bong bóng nổi lên mặt nước. Vậy bên trong chai rỗng đó có chứa không khí.  + Cách làm để chứng minh bên trong những lỗ nhỏ li ti của miếng mút xốp khô có chứa không khí: Nhúng miếng mút xốp vào nước sẽ thấy có bong bóng khí nổi lên mặt nước.  - HS trả lời.  + Không khí có ở khắp mọi nơi.  - HS trả lời.  + Quả bóng bay, chai, lọ...  - HS lắng nghe. |
| **HĐ2: Tìm hiểu một số tính chất của không khí**  - GV yêu cầu HS đọc yêu cầu trong SGK trang 18 – 19.  “Sử dụng các giác quan để trả lời những câu hỏi sau:  + Em có nhìn thấy không khí không? Vì sao?  + Không khí có mùi gì? Có vị gì?  + Khi em ngửi thấy mùi thơm hay mùi khó chịu thì đó có phải là mùi của không khí không? Cho ví dụ.”  - GV yêu cầu HS làm việc cá nhân để trả lời từng câu hỏi, các HS còn lại nhận xét và bổ sung (nếu có).  - GV nhận xét và bổ sung (nếu có).  - GV yêu cầu HS đọc yêu cầu trong SGK trang 19.  “Em có nhận xét gì về hình dạng của không khí chứa trong các vật dưới đây. Từ đó cho biết không khí có hình dạng nhất định không.”  sgk tr 19 - KH4 - CD  - GV yêu cầu HS thảo luận nhóm 2 để đưa ra nhận xét về hình dạng của không khí chứa trong các vật trên.  - GV yêu cầu đại diện một số nhóm trả lời, các nhóm còn lại nhận xét và bổ sung (nếu có).  - GV đặt câu hỏi: “Không khí có hình dạng nhất định không?”  - GV nhận xét và bổ sung (nếu có).  - GV phổ biến cho HS thực hiện thí nghiệm để tìm hiểu tính chất giãn nở của không khí như sau:  \*Chuẩn bị: Một chiếc bơm tiêm như hình 10a.  \*Tiến hành:  + Bịt kín đầu dưới bơm tiêm rồi dùng tay ấn ruột bơm tiêm như hình 10b. Sau đó thả tay ra.  + Mô tả hiện tượng xảy ra và giải thích.  sgk tr 19 - KH4 - CD - 1  - GV chia lớp thành các nhóm 6, phát bộ thí nghiệm cho từng nhóm và yêu cầu các nhóm tiến hành thí nghiệm.  - GV yêu cầu đại diện một số nhóm trình bày kết quả thí nghiệm, các nhóm còn lại nhận xét và bổ sung (nếu có).  - GV nhận xét và bổ sung (nếu có).  - GV yêu cầu HS thảo luận nhóm 2 để nêu một số tính chất của không khí qua các hoạt động trên.  - GV nhận xét và bổ sung (nếu có). | - HS đọc yêu cầu.  - HS trả lời.  + Không nhìn thấy không khí vì không khí không có màu.  + Không khí không có mùi, không có vị.  + Đó không phải là mùi của không khí. VD: Khi giặt đồ, em sẽ ngửi thấy mùi thơm thoang thoảng trong không khí nhưng đó là mùi xà phòng chứ không phải là mùi của không khí.  - HS lắng nghe.  - HS đọc yêu cầu.  - HS thực hiện.  - Đại diện một số nhóm trả lời, các nhóm còn lại nhận xét và bổ sung (nếu có).  + Không khí mang hình dạng các vật chứa nó.  - HS trả lời.  + Không khí không có hình dạng nhất định.  - HS lắng nghe.  - HS lắng nghe.  - HS thực hiện.  - Đại diện một số nhóm trình bày kết quả thí nghiệm, các nhóm còn lại nhận xét và bổ sung (nếu có).  + Ruột bơm tiêm sẽ dần dần di chuyển lại vị trí ban đầu vì bị không khí có trong ống bơm đẩy lên.  - HS lắng nghe.  - HS trả lời.  + Không khí trong suốt, không màu, không mùi, không vị, không có hình dạng nhất định. Không khí có thể bị nén lại hoặc giãn ra.  - HS lắng nghe. |
| **3.Luyện tập-Vận dụng:**  **HĐ3: Tìm hiểu một số ứng dụng tính chất của không khí đối với đời sống**  - GV yêu cầu HS đọc yêu cầu trong SGK trang 19.  “Tính chất nào của không khí được ứng dụng để làm những đồ dùng trong mỗi hình dưới đây?”  sgk tr 19 - KH4 - CD - 3  - GV yêu cầu một số HS trả lời, các HS còn lại nhận xét và bổ sung (nếu có).  - GV nhận xét và bổ sung (nếu có).  - GV yêu cầu HS thảo luận nhóm 2 để nêu một số ví dụ khác về việc ứng dụng tính chất của không khí trong đời sống.  - GV yêu cầu đại diện một số nhóm trả lời, các nhóm còn lại nhận xét và bổ sung (nếu có).  - GV nhận xét và bổ sung (nếu có).  - GV yêu cầu HS về nhà xem lại bài.  - GV yêu cầu HS chuẩn bị nội dung bài học tiếp theo: “Sự chuyển động của không khí”. | - HS đọc yêu cầu.  - Một số HS trả lời, các HS còn lại nhận xét và bổ sung (nếu có).  + Tính chất của không khí được ứng dụng để làm những đồ dùng trong mỗi hình đó là tính giãn nở và không có hình dạng nhất định mà sẽ phụ thuộc vào hình dạng của đồ vật. Tính giãn nở thể hiện ở chỗ làm căng các đồ vật.  - HS lắng nghe.  - HS thực hiện.  - Đại diện một số nhóm trả lời, các nhóm còn lại nhận xét và bổ sung (nếu có).  + Khi ta dùng cây bơm để bơm xe đạp: Khi đẩy ruột cây bơm xuống thì không khí bị nén xuống và bị đẩy vào lốp xe.  + Ta thấy quả bóng bay theo nhiều hình dạng khác nhau vì không khí trong quả bóng phụ thuộc vào tạo hình của quả bóng.  - HS lắng nghe. |

**IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY:**

*\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_*

**Thứ sáu, ngày 29 tháng 9 năm 2023**

Tiết 1: TOÁN

**VIẾT SỐ TỰ NHIÊN TRONG HỆ THẬP PHÂN**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT**

**1. Kiến thức, kĩ năng:**

- Ôn tập củng cố, khái quát hóa một số kiến thức về hệ thập phân và viết số tự nhiên trong hệ thập phân. So sánh các số tự nhiên.

- Vận dụng được các kiến thức về hệ thập phân và viết số tự nhiên, So sánh các số tự nhiên trong hệ thập phân vào thực tế cuộc sống.

**2. Năng lực:**

- Năng lực tự chủ, tự học: chủ động học tập, tìm hiểu nội dung bài học, biết lắng nghe và trả lời nội dung bài học.

- Năng lực giao tiếp và hợp tác: thực hiện tốt nhiệm vụ trong hoạt động nhóm.

**3. Phẩm chất.**

- Hình thành sự chăm chỉ, ý thức trách nhiệm đối với bản thân và tập thể. Ham thích và niềm tin khi học Toán. Yêu thích học Toán.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC:**

- **GV**: Tranh khởi động; SGK Toán 1; Tivi LCD.

- **HS**: SGK, VBT Toán tập 1, bộ đồ dùng học Toán 4.

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY - HỌC CHỦ YẾU:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** |
| **1.Khởi động:**  - **Ổn định tổ chức**: cho HS nhảy “vũ điệu rửa tay”.  - **Khởi động**: Trò chơi “Ong non học việc”.  Câu 1: Viết số thích hợp vào chỗ trống:  123; 124; ….. ; ….. ; ….. ;   1. 125; 126; 127 2. 126; 127; 128 3. 125; 127; 129   Câu 2: Có số tự nhiên lớn nhất không?   1. Không 2. Có 3. Không có đáp án đúng   Câu 3: Số tự nhiên liền sau số 32 323 là:   1. 32 322 2. 32 323 3. 32 324   Câu 4: Dãy số nào dưới đây là dãy số tự nhiên?   1. 0,1,2,4,3,5,.... 2. 0,1,2,3,4,5,… 3. 0,1,3,4,5,6,..   - Cho HS quan sát tranh và thảo luận nhóm đôi.    + Tranh vẽ gì?  - **Kết nối**: Hệ thập phân là gì? Vậy để biết hệ thập phân hay còn gọi là hệ đếm cơ số 10, dây là hệ đếm rộng rãi và phổ biến nhất trong toán học và trong đời sống hằng ngày, ý nghĩa, hệ thập phân sẽ sử dụng 10 số {0;1;2;3;4;5;6;7;8;9} để biểu diễn. Mọi phần tử của một số số trong hệ thập phân đều nằm trong danh sách 10 con số nhỏ này. Vậy ta học qua  bài hôm nay nhé.  - **Ghi bảng**: Viết số tự nhiên trong hệ thập phân | - Trưởng ban Văn nghệ điều khiển các bạn tham gia nhảy vũ điệu rửa tay.  - HS chơi trò chơi.  - Đáp án đúng: A. 125; 126; 127  - Đáp án đúng: A. Không  - Đáp án đúng: C. 32 324  - Đáp án đúng: B. 0,1,2,3,4,5,…  - HS quan sát tranh và thảo luận nhóm đôi.  + Tranh vẽ một người đang ngồi đọc sách và nói “Hệ đếm thập phân gắn với một “máy tính” tự nhiên mà con người có sẵn (10 ngón tay)”.  - HS lắng nghe.  - Nhắc nối tiếp và ghi đầu bài vào vở. |
| **2.HT kiến thức:**  - GV yêu cầu HS đọc và thảo luận các thông tin có trong khung kiến thức và trả lời các câu hỏi sau:  **a. Hệ thập phân**  - Thế nào là hệ thập phân? Hãy nêu ví dụ về hệ thập phân.  **b. Viết số tự nhiên trong hệ thập phân**  - Hãy nêu cách viết số tự nhiên trong hệ thập phân? Lấy ví dụ về viết số tự nhiên trong hệ thập phân.  **3. So sánh các số tự nhiên**  - So sánh hai số tự nhiên là gì?  - Cách so sánh hai số tự nhiên?  **\* GV kết luận**:  1. Trong hệ thập phân, cứ mười đơn vị ở một hàng hợp lại thành một đơn vị ở hàng trên tiếp liền nó.  2. Với mười chữ số: 0 , 1 , 2 , 3 , 4 , 5 , 6 , 7 , 8 , 9 có thể viết được mọi số tự nhiên.  Ở mỗi hàng chỉ có thể viết được một chữ số. Giá trị của mỗi chữ số phụ thuộc vào vị trí của nó trong số đó.  3. Dựa vào vị trí của các số trong dãy số tự nhiên, số nào được đếm trước thì bé hơn; Dựa vào quy tắc so sánh các số có nhiều chữ số.  **\* GV chốt chuyển** | - HS đọc và thảo luận các thông tin có trong khung kiến thức và trả lời các câu hỏi:  - Trong hệ thập phân, cứ mười đơn vị ở một hàng hợp lại thành một đơn vị ở hàng trên tiếp liền nó.  **Ví dụ**: 10 đơn vị = 1 chục  10 chục = 1 trăm  10 trăm = 1 nghìn ....  - Với mười chữ số: 0, 1, 2, 3, 4, 5, 6, 7, 8, 9 có thể viết được mọi số tự nhiên  + Ở mỗi hàng chỉ có thể viết được một chữ số. Giá trị của mỗi chữ số phụ thuộc vào vị trí của nó trong số đó. Chẳng hạn, số 888 có ba chữ số 8, kể từ phải sáng trái mỗi chữ số 8 lần lượt nhận giá trị là 8 ; 80 ; 800.  + Viết số tự nhiên với các đặc điểm trên được gọi là viết số tự nhiên trong hệ thập phân.  **Ví dụ**:  + Chín trăm chín mươi chín viết là: 999.  + Hai nghìn một trăm mười lăm viết là: 2115  + Tám trăm mười hai triệu ba trăm hai mươi bảy nghìn bốn trăm mười một viết là: 812327411  \* Giá trị của chữ số trong một số  - Giá trị của mỗi chữ số phụ thuộc vào vị trí của nó trong số đó.  Trong số 999 có ba chữ số 9. Từ trái qua  phải mỗi chữ số 9 lần lượt nhận giá trị  là: 900;90;9  - So sánh hai số tự nhiên là việc xác định xem số nào lớn hơn, số nào bé hơn hoặc bằng nhau.  - Để so sánh hai số tự nhiên ta có thể thực hiện theo một trong hai cách sau:  (1) Dựa vào vị trí của các số trong dãy số tự nhiên, số nào được đếm trước thì bé hơn  (2) Dựa vào quy tắc so sánh các số có nhiều chữ số,  - HS nghe và nhắc lại. |
| **3.Luyện tập**  **Bài 1: cá nhân**  - Gọi HS đọc yêu cầu bài.  - Bài tập yêu cầu làm gì?  **\* GV hướng dẫn**:  a) Khi đọc số có nhiều chữ số, ta tách số thành từng lớp, từ lớp đơn vị đến lớp nghìn rồi lớp triệu. Sau đó dựa vào cách đọc số có tới ba chữ số thuộc từng lớp  để đọc và đọc từ trái sang phải.  b) Viết số lần lượt theo thứ tự từ trái sang phải là các hàng chục triệu, hàng triệu, hàng trăm nghìn, hàng chục nghìn, hàng nghìn, hàng trăm, hàng chục, hàng đơn vị..  - Yêu cầu HS thảo luận cách đọc và cách viết các số đã cho.  - Gọi đại diện một số HS nêu cách đọc  và viết của mình với các số đã cho.  - GV gọi HS nhận xét, chữa bài.  - GV nhận xét, thuyên dương HS.  **\* Chốt chuyển**  **Bài 2: nhóm đôi**  - Đọc yêu cầu bài tập.  - Bài yêu cầu làm gì?  - Bài cho biết gì?  **\* GV hướng dẫn:**  - Thế nào là dạng khai triển thập phân của một số?  - GV yêu cầu HS thảo luận nhóm đôi và làm vở bài tập.  - Yêu cầu, Đại diện các nhóm trình bày  kết quả bài làm của mình.  \* Xác định giá trị của mỗi chữ số rồi viết số đã cho thành tổng. | - HS đọc yêu cầu đề bài.  - Bài tập yêu cầu làm: Đọc các số; Viết các số  - Lắng nghe.  - HS làm vào vở bài tập phần b, và đọc phần a trực tiếp tại chỗ cùng bạn thảo luận cách đọc và viết các số đã cho.  - Đại diện lớp một số HS làm theo yêu  cầu của GV.  Lời giải  a)  - 651 đọc là: Sáu trăm năm mươi mốt  - 5 064 đọc là: Năm nghìn không trăm sáu mươi tư  - 800 310 đọc là: Tám trăm nghìn ba trăm mười  - 9 106 783: Chín triệu một trăm linh sáu nghìn bảy trăm tám mươi ba  - 573 811 000: Năm trăm bảy mươi ba triệu tám trăm mười một nghìn  b) Viết các số sau:  - Hai mươi tư nghìn năm trăm mười sáu: 24 516  - Ba trăm linh bảy nghìn bốn trăm hai mươi mốt: 307 421  - Một triệu hai trăm năm mươi nghìn không trăm mười bảy: 1 250 017  - Mười lăm triệu không trăm bốn mươi nghìn sáu trăm linh tám: 15 040 608  - HS nhận xét, chữa bài.  **Bài 2: nhóm đôi**  - Đọc yêu cầu bài.  - Viết mỗi số sau thành tổng (theo mẫu):  - Cho biết mẫu như sau:    - Dạng khai triển thập phân của một số đó là tách riêng các hàng trong cùng  con số đó và các giá trị giảm dần đến  hàng nhỏ nhất là hàng đơn vị.  - Học sinh thảo luận nhóm đôi và làm vở bài tập.  - Đại diện các nhóm trình bày kết quả. |
| **Lời giải**  **265 175; 1 050 694; 321 126; 57 605**  **1.** 265 175 = 200 000 + 60 000 + 5 000 + 100 + 70 + 5  **2.** 1 050 694 = 1 000 000 + 50 000 + 600 + 90 + 4  **3.** 321 126 = 300 000 + 20 000 + 1 000 + 100 + 20 + 6  **4**. 57 605 = 50 000 + 7 000 + 600 + 5 | |
| - GV yêu cầu HS nhận xét, chữa bài  - GV nhận xét, khen HS.  **\* Chốt chuyển**  **Bài 3: cá nhân**  - Đọc yêu cầu bài tập?  - Bài cho biết gì?  - GV yêu cầu HS nhắc lại: Thêm 1 vào bất kì số nào cũng được số tự nhiên liền sau đó. Bớt bất kì số nào khác (Khác số 0) cũng được số tự nhiên liền trước đó.  - GV yêu cầu HS làm bài vào vở bài tập, sau đó đổi vở kiểm tra kết quả chéo nhau.  - Giáo viên gọi một số học sinh trình bày bài làm của mình.  **\* Hướng dẫn:**  - Muốn tìm số liền trước của một số ta lấy số đó trừ đi 1.  - Muốn tìm số liền sau của một số ta lấy số đó cộng thêm 1.  - GV yêu cầu nhận xét bài bạn sau khi đổi chéo vở.  - GV nhận xét, chữa bài, khen HS.  **\* Chốt chuyển** | **-** HS nhận xét, chữa bài.  **Bài 3: cá nhân**  - HS đọc yêu cầu bài tập.  **- Số?**    - 3 HS nhắc lại.  - HS làm bài vào vở bài tập, sau đó đổi vở kiểm tra kết quả chéo nhau.  - Trình bày bài làm của mình.  Lời giải    - Học sinh nhận xét bài bạn sau khi đổi chéo vở. |
| **4.Vận dụng:**  **Bài 4: cá nhân**  - Đọc yêu cầu bài tập.  - Bài tập yêu cầu làm gì?  - Bài cho biết gì?  **\* Hướng dẫn**: So sánh các số rồi sắp xếp theo thứ tự từ gần nhất đến xa nhất.  - GV yêu cầu HS làm bài, sau đó đổi chéo vở kiểm tra kết quả.  - Yêu cầu HS báo cáo kết quả làm bài của mình sau khi đổi chéo vở kiểm tra.  - Gọi HS nhận xét chữa bài.  - GV nhận xét, chữa bài, tuyên dương. | **Bài 4: cá nhân**  - Đọc yêu cầu bài tập.  - Đọc thông tin rồi sắp xếp theo thứ tự tăng dần.  - Khoảng cách từ Trái Đất, Sao Kim, Sao Thủy, Sao Hỏa đến Mặt Trời được biểu thị trong bảng bên. Hãy sắp xếp khoảng cách từ các hành tinh trên đến Mặt trời theo thứ tự từ gần nhất đến xa nhất.  - HS nghe.  - HS làm bài, sau đó đổi chéo vở kiểm tra kết quả.  - HS báo cáo kết quả làm bài của mình sau khi đổi chéo vở kiểm tra.  Lời giải  **Ta có:**  57 910 000 < 108 000 000 < 149 600 000 < 227 700 000  Vậy khoảng cách từ các hành tinh đến Mặt trời theo thứ tự từ gần nhất đến xa nhất là:  Sao Thủy, Sao Kim, Trái đất, Sao Hỏa.  - HS nhận xét chữa bài của bạn.  - Nghe. |

**IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY:**

**\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_**

Tiết 2: CÔNG NGHỆ

**Bài 2 MỘT SỐ LOẠI HOA PHỔ BIẾN (T2)**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:**

**1. Năng lực**

- Tự tìm hiểu, mô tả được đặc điểm một số loại hoa ở trường học, gia đình hoặc địa phương.

- Thực hiện tốt và có sáng tạo trong thực hiện các hoạt động của bài học để vận dụng vào thực tiễn.

- Giới thiệu được với bạn bè, người thân một loại hoa phổ biến ở địa phương.

**2. Phẩm chất.**

- Phẩm chất chăm chỉ: Có ý thức tìm hiểu về các loại hoa trong đời sống.

- Phẩm chất trách nhiệm: Yêu thích hoa.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC**

- Kế hoạch bài dạy, bài giảng Power point.

- SGK và các thiết bị, học liệu phục vụ cho tiết dạy.

**III. HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** | | |
| **1. Khởi động:** | | | |
| - GV tổ chức trò chơi: " Ai nhanh hơn?"  GV giới thiệu luật chơi: Sau khi xem video về các loại hoa trong vườn hoa. Ai kể tên được nhiều loại hoa nhất , người đấy thắng cuộc, Thời gian kể 30 giây.  - GV nhận xét, tuyên dương và dẫn dắt vào bài mới. | | | HS xem video  HS tham gia trò chơi  - HS lắng nghe. |
| **2. Hoạt động khám phá***:* | | | |
| **Hoạt động 1: 4. Nhận biết hoa cúc**  **(Làm việc cá nhân)**  - GV yêu cầu HS đọc thông tin, quan sát hình trang 10 SGK và cho biết các đặc điểm của hoa cúc    - GV mời một số HS trình bày.  - GV mời HS khác nhận xét.  GV yêu cầu HS làm việc nhóm bàn , trả lời câu hỏi:  - Hãy gọi tên các loại hoa cúc có trong hình  GV nhận xét, tuyên dương.  GV yêu cầu HS kể thêm một số loại hoa cúc mà em biết.  **5. Nhận biết hoa mười giờ**  **(Làm việc cá nhân)**  - GV yêu cầu HS đọc thông tin, quan sát hình trang 10 SGK và cho biết các đặc điểm của hoa mười giờ.    - GV mời một số HS trình bày.  - GV mời HS khác nhận xét.  GV yêu cầu HS làm việc nhóm bàn , trả lời câu hỏi:  - Hình nào là hoa mười giờ cánh đơn, hình nào là hoa mười giờ cánh kép?  GV nhận xét, tuyên dương.  - Nêu một số đặc điểm về thân, lá, .. của cây hoa mười giờ?  GV nhận xét, tuyên dương.  GV có thể chiếu thêm hình ảnh về một số loại cây hoa mười giờ để HS quan sát. | | - HS nghiên cứu thông tin trong sách và hình ảnh để trả lời câu hỏi:  - Một số HS trình bày.  - HS khác nhận xét, bổ sung.  Hoa cúc thường nở vào mùa thu. Hoa cúc có nhiều màu sắc: trắng, tím, vàng, …Hoa cúc có rất nhiều cánh nhỏ.  - Một số HS trình bày.  - HS khác nhận xét, bổ sung.  Hình 1: cúc đại đóa  Hình 2: cúc thạch thảo( cúc cánh mối)  Hình 3: cú chuồn  Gọi tên theo màu sắc:  Hình 1: cúc trắng  Hình 2: cúc tím  Hình 3: cúc vàng  - Một số HS trình bày.  - HS khác nhận xét, bổ sung.  Một số loại hoa cúc khác như:  cúc họa mi, cúc mâm xôi, cúc vạn thọ, …  - HS nghiên cứu thông tin trong sách và hình ảnh để trả lời câu hỏi:  - Một số HS trình bày.  - HS khác nhận xét, bổ sung.  Hoa thường nở lúc mười giờ sáng. Hoa có nhiều màu sắc: đỏ, tím, vàng, …Hoa có loại cánh đơn, có loại cánh kép.  - Một số HS trình bày.  - HS khác nhận xét, bổ sung.  Hình 1, 3: hoa mười giờ cánh đơn.  Hình 2: hoa mười giờ cánh kép.  - Một số HS trình bày.  - HS khác nhận xét, bổ sung.  Một số loại hoa cúc khác như:  cúc họa mi, cúc mâm xôi, cúc vạn thọ, …  - Một số HS trình bày.  - HS khác nhận xét, bổ sung.  Hoa mười giờ là cây thân thảo, nhỏ, mọng nước, thân nhiều nhánh.  Lá hình dài hơi dẹt, màu xanh nhạt, mọng nước. | |
| **3. Hoạt động luyện tập.** | | | |
| **Hoạt động 2: Trò chơi “Ai nhanh, ai đúng?”**  - GV HD cách chơi:  **Chơi theo nhóm 2:** Mỗi nhóm hãy ghép thẻ tên hoa với đặc điểm của từng loại hoa. Nhóm nào ghép nhanh, đúng nhiều nhất là nhóm dành phần thắng.  GV cho HS làm việc nhóm.  Mời đại diện các nhóm báo cáo kết quả.  Hết thời gian, GV và HS cùng nhận xét kết quả của từng nhóm.  - GV nhận xét chung, GV cùng HS thống nhất về đặc điểm của các loại hoa phổ biến đã được học.  Tuyên dương tất cả các nhóm đã tham gia chơi nhiệt tình, sôi nổi.  - GV chốt nội dung: cho HS đọc phần chốt kiến thức cuối bài trang 11 SGK | | - HS lắng nghe cách chơi.  - HS ghép thẻ vào bảng phụ.  - Đại diện các nhóm trình bày.  HS nhận xét chéo kết quả làm của các nhóm.  Đáp án:  1 - D; 2- A; 3 - E; 4- D; 5- C.  - HS lắng nghe , nhắc lại đặc điểm của các loại hoa phổ biến đã được học  - Một số HS đọc. | |
| **4. Vận dụng trải nghiệm.** | | | |
| - GV cho HS viết tên và mô tả một loại hoa phổ biến ở địa phương mà mình thích ra nháp . HS có thể vẽ hoặc chụp lại ảnh của loài hoa đó, rồi báo cáo kết quả theo mẫu:   |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | | **Tên hoa** | **Màu sắc** | **Hương thơm** | **Mùa hoa nở** | |  |  |  |  |   - GV nhận xét tuyên dương.  - Nhận xét sau tiết dạy.  - Dặn dò về nhà. | | -Một số HS lên trình bày 1 phút..  - HS lắng nghe. | |
|  | | | |

**IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY**

Tiết 3: TIẾNG VIỆT

**GÓC SÁNG TẠO: AI CHĂM, AI NGOAN (1 tiết)**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:**

**1. Phát triển năng lực ngôn ngữ:**

- Viết được đoạn văn (đoạn thơ) về một người bạn chăm chỉ (hoặc con vật biểu tượng của phẩm chất chăm chỉ).

- Nói (đọc) rõ ràng, truyền cảm khi ra câu đố và giải đố.

- Biết trang trí cây hoa phù hợp với chủ điểm Chăm học, chăm làm.

**2. Phát triển năng lực văn học:**

- Biết thể hiện cảm xúc khi đọc, nói, viết về PC chăm chỉ

**3. Phẩm chất**

- Bồi dưỡng PC chăm chỉ, nhân ái.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC**

- GV chuẩn bị: chậu hoa viền giấy màu, cây hoa (có gốc, cành, lá); giấy màu (nhiều màu), băng dính 2 mặt.

- HS chuẩn bị: kéo, bút, giấy ô li.

**III. HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC.**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** |
| **1.Khởi động:**  - GV dẫn dắt vào bài mới: Trong tiết góc sáng tạo hôm nay, chúng ta sẽ tham gia trò chơi đố vui: “Ai chăm, ai ngoan?” để rèn luyện các kỹ năng viết, nói về chủ điểm Chăm học, chăm làm. Chúc các em có một tiết học vui, bổ ích và sáng tạo. | -Lắng nghe |
| **2.Thực hành:**  **Hoạt động 1: Chuẩn bị câu đố (BT1)**  - GV yêu cầu HS đọc và nắm vững yêu cầu bài tập 1.  - GV cho HS thực hiện nhóm đôi và thực hiện yêu cầu vào giấy ô ly bằng ¼ tờ A4.  - GV gọi đại diện nhóm trình bày kết quả.  - GV nhận xét chung kết quả các nhóm và tuyên dương nhóm hoàn thành tốt bài tập.  **Hoạt động 2: Gắn câu đố lên cây hoa (BT2)**  - GV chuẩn bị cây hoa (có gốc, cành, lá), một chậu hoa viền giấy màu có dòng chữ “Ai chăm, ai ngoan?”; băng dính 2 mặt, giấy màu (nhiều màu)  - GV nhận xét và tuyên dương.  **Hoạt động 3: Hái hoa và giải câu đố**  - GV gọi 1 HS làm quản trò- tổ chức trò chơi “Hái hoa và giải câu đố”  - GV nhận xét, tuyên dương HS có câu trả lời đúng.  **3. Củng cố, dặn dò**  - GV nhận xét tiết học, tuyên dương những cá nhân HS và nhóm tích cực trong việc chuẩn bị cây hoa, có câu đố hay, giải nhiều câu đố đúng. | 1-2 HS đọc yêu cầu BT1.  - HS thực hiện nhóm đôi.  - 3-4 nhóm trình bày kết quả.  - HS lắng nghe và nhận xét  - HS thực hiện làm các bông hoa  - Đại diện các tổ gắn câu đố lên cây.  - HS cả lớp theo dõi và cổ vũ nhóm HS trang trí cây hoa “Ai chăm, ai ngoan”  - Người quản trò có thể gọi theo tinh thần xung phong hoặc gọi trực tiếp HS bất kì trong lớp khởi động cho trò chơi (người chơi đầu tiên)  (Người giải đúng có quyền chỉ định người chơi tiếp sau mìn |

**IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY:**

**\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_**

Tiết 4: HOẠT ĐỘNG TRẢI NGHIỆM

**SINH HOẠT LỚP: TỔNG KẾT DỰ ÁN HÀNH LANG XANH**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT**

**1. Năng lực đặc thù.**

- Trình bày được các công việc đã làm trong dự án Hành lang xanh.

- Tự đánh giá được quá trình và kết quả thực hiện dự án Hành lang xanh của bản thân và nhóm.

**2. Phẩm chất**

- Yêu cảnh đẹp thiên nhiên.

- Có trách nhiệm chăm sóc bồn hoa cây cảnh

- Chăm chỉ vệ sinh trường lớp.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC**

**1. Phương pháp dạy học**

* Hoạt động nhóm, thực hành, trực quan.
* Nêu vấn đề và giải quyết vấn đề.

**2. Thiết bị dạy học**

SGK Hoạt động trải nghiệm 4.

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV** | **HOẠT ĐỘNG CỦA HS** |
| **Hoạt động 1: Hoạt động tổng kết tuần**  - Trình bày được các công việc đã làm trong dự án Hành lang xanh.  - Tự đánh giá được quá trình và kết quả thực hiện dự án Hành lang xanh của bản thân và nhóm.  - GV tổ chức cho HS tham quan các sản phẩm đã làm trong dự án.  - GV hướng dẫn HS chia sẻ theo nhóm các nội dung sau:  + Cảm nhận của em sau khi tham quan các sản phẩm đã làm trong dự án.  + Những công việc em đã làm trong dự án.  + Cảm xúc của em sau khi tham gia thực hiện dự án.  - GV mời đại diện các nhóm lên trước lớp chia sẻ các nội dung trên.  - GV tổng kết và khen ngợi sự tích cực tham gia dự án của HS cả lớp.  - GV hướng dẫn HS tự đánh giá kết quả đã đạt được sau khi tham gia các hoạt động của chủ đề Trường em xanh, sạch, đẹp.   |  |  |  | | --- | --- | --- | | Em tự đánh giá kết quả học được từ chủ đề theo gợi ý | | | | Hoàn thành tốt | Hoàn thành | Chưa hoàn thành | | - Tìm hiểu thực trạng vệ sinh trường lớp. | | | | - Xây dựng và thực hiện kế hoạch lao động trong nhà trường. | | | | - Thực hiện những việc làm cụ thể để giữ gìn trường học xanh, sạch, đẹp. | | | | - Tích cực tham gia giáo dục theo chủ đề của Đội Thiếu niên Tiền phong Hồ Chí Minh và nhà trường. | | |   - GV nhận xét về ý thức học tập của một số bạn trong lớp và tiến hành tuyên dương bạn có ý thức tốt, nhắc nhở bạn có ý thức chưa tốt. | - HS tham gia tham quan theo hướng dẫn của GV.  - HS chia sẻ theo nhóm.  - HS chia sẻ trước lớp các nội dung vừa chia sẻ theo nhóm.  - HS lắng nghe, tiếp thu.  - HS tự đánh giá theo mẫu.  - HS lắng nghe, tiếp thu. |

**IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY:**